

LỊCH THI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
1	QLXD2311	010100183601	24	1-24	Quản lý hợp đồng xây dựng	4	11/11/2026	7h30	C301	Lê Hữu Quốc Phong, Nguyễn Minh Tân	
2	QLXD2311	010100183601	23	25-47	Quản lý hợp đồng xây dựng	4	11/11/2026	7h30	C303	Lê Hữu Quốc Phong, Nguyễn Minh Tân	
3	CNSH2611	010100219001	31	1-31	Nhập môn công nghệ sinh học	4	11/11/2026	7h30	C105	Đoàn Thị Kiều Tiên, Lê Thị Thảo	
4	CNSH2611	010100219001	31	32-62	Nhập môn công nghệ sinh học	4	11/11/2026	7h30	C206	Đoàn Thị Kiều Tiên, Lê Thị Thảo	
5	CNDD2611	010100057301	32	1-32	Nhập môn kỹ thuật điện	5	12/11/2026	7h30	C103	Huỳnh Phát Triển	
6	CNDD2611	010100057301	32	33-64	Nhập môn kỹ thuật điện	5	12/11/2026	7h30	C203	Huỳnh Phát Triển	
7	CNDD2611	010100057301	31	65-95	Nhập môn kỹ thuật điện	5	12/11/2026	7h30	C402	Huỳnh Phát Triển	
8	CNDD2611	010100057301	31	96-126	Nhập môn kỹ thuật điện	5	12/11/2026	7h30	C503	Huỳnh Phát Triển	
9	QTKD2411	010100268401	32	1-32	Phân tích định lượng trong kinh doanh	5	12/11/2026	7h30	C606	Ngô Anh Tuấn, Trần Thảo Vy	
10	QTKD2411	010100268401	32	33-64	Phân tích định lượng trong kinh doanh	5	12/11/2026	7h30	C601	Ngô Anh Tuấn, Trần Thảo Vy	
11	QTKD2411	010100268401	32	65-96	Phân tích định lượng trong kinh doanh	5	12/11/2026	7h30	C207	Ngô Anh Tuấn, Trần Thảo Vy	
12	TCNH2311	010100271701	35	1-35	Đầu tư tài chính	5	12/11/2026	7h30	C506	Mai Hoàng Thảo Nguyên	
13	TCNH2311	010100271701	35	36-70	Đầu tư tài chính	5	12/11/2026	7h30	C108	Mai Hoàng Thảo Nguyên	
14	CNCD2311	010100175801	23	1-23	Kỹ thuật tạo mẫu nhanh	5	12/11/2026	9h30	C203	Cao Sang	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
15	CNCD2311	010100175801	23	24-46	Kỹ thuật tạo mẫu nhanh	5	12/11/2026	9h30	C402	Cao Sang	
16	KHMT2611	010100239501	43	1-43	Nhập môn khoa học máy tính	5	12/11/2026	9h30	C506	Hồng Thanh Luận	
17	KHMT2611	010100239501	42	44-85	Nhập môn khoa học máy tính	5	12/11/2026	9h30	C207	Hồng Thanh Luận	
18	CNHH2311	010100283001	34		Quản lý chất lượng	5	12/11/2026	9h30	C108	Nguyễn Thị Như Ý, Nguyễn Thị Yến Nhi	
19	KTHC2411	010100073901	27	1-27	Quản lý chuỗi cung ứng và hậu cần	5	12/11/2026	13h30	C303	La Bảo Trúc Ly	
20	KTHC2411	010100073901	26	28-53	Quản lý chuỗi cung ứng và hậu cần	5	12/11/2026	13h30	C203	La Bảo Trúc Ly	
21	QLXD2411	010100181901	30	1-30	Nguyên lý cấu tạo kiến trúc	5	12/11/2026	13h30	C301	Trần Thị Phương	
22	QLXD2411	010100181901	30	31-60	Nguyên lý cấu tạo kiến trúc	5	12/11/2026	13h30	C302	Trần Thị Phương	
23	QLXD2311	010100185501	30	1-30	Kết cấu thép 1	5	12/11/2026	13h30	C201	Lê Hoàng	
24	QLXD2311	010100185501	30	31-60	Kết cấu thép 1	5	12/11/2026	13h30	C202	Lê Hoàng	
25	LUAT2511	010100259301	38	1-38	Luật hình sự 2	5	12/11/2026	13h30	C205	Nguyễn Đoàn Kim Thoại	
26	LUAT2511	010100259301	37	39-75	Luật hình sự 2	5	12/11/2026	13h30	C206	Nguyễn Đoàn Kim Thoại	
27	QTKD2511	010100268101	34	1-34	Văn hóa doanh nghiệp	5	12/11/2026	13h30	C306	Bùi Thái Bình	
28	QTKD2511	010100268101	33	35-67	Văn hóa doanh nghiệp	5	12/11/2026	13h30	C405	Bùi Thái Bình	
29	QTKD2511	010100268101	33	68-97	Văn hóa doanh nghiệp	5	12/11/2026	13h30	C406	Bùi Thái Bình	
30	CNDD2311	010100081001	39	1-39	Kỹ thuật chiếu sáng	5	12/11/2026	15h30	C205	Trần Hữu Tính	
31	CNDD2311	010100081001	38	40-77	Kỹ thuật chiếu sáng	5	12/11/2026	15h30	C306	Trần Hữu Tính	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
32	KETO2411	010100270801	36	1-36	Kế toán hành chính sự nghiệp	5	12/11/2026	15h30	C506	Nguyễn Túc Nhiên, Trần Long Hải	
33	KETO2411	010100270801	35	37-71	Kế toán hành chính sự nghiệp	5	12/11/2026	15h30	C505	Nguyễn Túc Nhiên, Trần Long Hải	
34	QLXD2211	010100290401	4		Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh xây dựng	5	12/11/2026	15h30	C503	Lê Huỳnh Nhật Đăng, Nguyễn Minh Tân	ghep c505
35	CNXD2411	010100185801	33	1-33	Kết cấu bê tông cốt thép 2	6	13/11/2026	7h30	C401	Phan Nhật Tân	
36	CNXD2411	010100185801	32	34-65	Kết cấu bê tông cốt thép 2	6	13/11/2026	7h30	C402	Phan Nhật Tân	
37	CNSH2411	010100220501	27	1-27	Anh văn chuyên ngành công nghệ sinh học	6	13/11/2026	7h30	C203	Lê Vũ Lan Phương	
38	CNSH2411	010100220501	26	28-53	Anh văn chuyên ngành công nghệ sinh học	6	13/11/2026	7h30	C101	Lê Vũ Lan Phương	
39	LQCC2411	010100234201	33	1-33	Địa lý vận tải	6	13/11/2026	7h30	C301	Trương Thị Huyền Trang	
40	LQCC2411	010100234201	32	34-65	Địa lý vận tải	6	13/11/2026	7h30	C302	Trương Thị Huyền Trang	
41	LQCC2411	010100234201	32	66-97	Địa lý vận tải	6	13/11/2026	7h30	C303	Trương Thị Huyền Trang	
42	CNDD2311	010100252601	38	1-38	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật điện, điện tử	6	13/11/2026	7h30	C108	Trần Trung Khánh	
43	CNDD2311	010100252601	38	39-76	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật điện, điện tử	6	13/11/2026	7h30	C109	Trần Trung Khánh	
44	LUAT2411	010100258801	34	1-34	Phương pháp nghiên cứu khoa học luật	6	13/11/2026	7h30	C201	Vũ Thị Lệ Thu	
45	LUAT2411	010100258801	33	35-67	Phương pháp nghiên cứu khoa học luật	6	13/11/2026	7h30	C202	Vũ Thị Lệ Thu	
46	LUAT2311	010100260801	36	1-36	Pháp luật về giao dịch bảo đảm	6	13/11/2026	7h30	C505	Ngô Thị Mỹ Hạnh	
47	LUAT2311	010100260801	35	37-71	Pháp luật về giao dịch bảo đảm	6	13/11/2026	7h30	C606	Ngô Thị Mỹ Hạnh	
48	TCNH2511	010100267801	38	1-38	Kinh tế vi mô	6	13/11/2026	7h30	C207	Lê Bửu Minh Quân	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
49	TCNH2511	010100267801	37	39-75	Kinh tế vi mô	6	13/11/2026	7h30	C209	Lê Bửu Minh Quân	
50	QLXD2311	010100182101	26	1-26	Trắc địa	6	13/11/2026	9h30	C108	Bùi Đăng Khoa, Lưu Ngọc Cường	
51	QLXD2311	010100182101	26	27-52	Trắc địa	6	13/11/2026	9h30	C109	Bùi Đăng Khoa, Lưu Ngọc Cường	
52	QLXD2211	010100183401	1		Quản lý đấu thầu	6	13/11/2026	9h30	C203	Lê Thị Ánh Hồng	Ghep c202
53	CNHH2511	010100279401	24	1-24	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngành kỹ thuật	6	13/11/2026	9h30	C201	Ngô Khắc Không Minh, Trần Bá Luân	
54	CNHH2511	010100279401	24	24-48	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngành kỹ thuật	6	13/11/2026	9h30	C202	Ngô Khắc Không Minh, Trần Bá Luân	
55	CNHH2311	010100282601	37		Kỹ thuật sản xuất chất kết dính vô cơ	6	13/11/2026	9h30	C505	Lư Văn Lil, Nguyễn Thị Như Ý	
56	QTKD2311	010100268901	45	1-45	Quản trị dự án	6	13/11/2026	13h30	C206	Huỳnh Văn Tùng, Ngô Anh Tuấn	
57	QTKD2311	010100268901	45	46-90	Quản trị dự án	6	13/11/2026	13h30	C109	Huỳnh Văn Tùng, Ngô Anh Tuấn	
58	KETO2511	010100269501	42	1-42	Chuẩn mực kế toán	6	13/11/2026	13h30	C305	Lưu Phạm Anh Thi	
59	KETO2511	010100269501	42	43-84	Chuẩn mực kế toán	6	13/11/2026	13h30	C306	Lưu Phạm Anh Thi	
60	KETO2411	010100270101	37	1-37	Lập báo cáo tài chính	6	13/11/2026	13h30	C108	Trần Quốc Dũng	
61	KETO2411	010100270101	37	38-74	Lập báo cáo tài chính	6	13/11/2026	13h30	C207	Trần Quốc Dũng	
62	TCNH2411	010100272501	42	1-42	Tài chính doanh nghiệp 2	6	13/11/2026	13h30	C505	Trần Thị Diệp Anh Thư	
63	TCNH2411	010100272501	41	43-83	Tài chính doanh nghiệp 2	6	13/11/2026	13h30	C506	Trần Thị Diệp Anh Thư	
64	KTHC2311	010100239801	25	1-25	Anh văn chuyên ngành công nghiệp	6	13/11/2026	15h30	C301	La Bảo Trúc Ly	
65	KTHC2311	010100239801	25	26-50	Anh văn chuyên ngành công nghiệp	6	13/11/2026	15h30	C303	La Bảo Trúc Ly	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
66	QLCN2411	010100074801	37	1-37	Quản lý dự án công nghiệp	7	14/11/2026	7h30	C207	La Bảo Trúc Ly	
67	QLCN2411	010100074801	37	38-74	Quản lý dự án công nghiệp	7	14/11/2026	7h30	C208	La Bảo Trúc Ly	
68	LUAT2311	010100261601	36	1-36	Lý luận và pháp luật về quyền con người	7	14/11/2026	7h30	C209	Trương Chánh Đức	
69	LUAT2311	010100261601	36	37-72	Lý luận và pháp luật về quyền con người	7	14/11/2026	7h30	C406	Trương Chánh Đức	
70	TCNH2411	010100272301	39	1-39	Nghệp vụ Ngân hàng doanh nghiệp	7	14/11/2026	7h30	C105	Hồ Phạm Thanh Lan	
71	TCNH2411	010100272301	39	40-78	Nghệp vụ Ngân hàng doanh nghiệp	7	14/11/2026	7h30	C305	Hồ Phạm Thanh Lan	
72	LUAT2411	010100258401	31	1-31	Luật đất đai	7	14/11/2026	13h30	C206	Trần Thị Như Tâm	
73	LUAT2411	010100258401	31	32-62	Luật đất đai	7	14/11/2026	13h30	C205	Trần Thị Như Tâm	
74	LUAT2411	010100258401	30	63-92	Luật đất đai	7	14/11/2026	13h30	C203	Trần Thị Như Tâm	
75	CNHH2511	010100278801	24	1-24	Quá trình và thiết bị cơ học	7	14/11/2026	13h30	C201	Lư Văn Lil, Trần Thị Thùy Linh	
76	CNHH2511	010100278801	24	25-48	Quá trình và thiết bị cơ học	7	14/11/2026	13h30	C202	Lư Văn Lil, Trần Thị Thùy Linh	
77	CNCD2311	010100120801	23	1-23	Công nghệ thủy lực và khí nén	7	14/11/2026	15h30	C201	Trần Sĩ Lâm	
78	CNCD2311	010100120801	23	24-46	Công nghệ thủy lực và khí nén	7	14/11/2026	15h30	C202	Trần Sĩ Lâm	
79	CNHH2311	010100279101	36		Cơ sở tính toán và thiết kế thiết bị hóa chất	2	16/11/2026	7h30	C205	Lư Văn Lil, Trần Thị Thùy Linh	
80	QTKD2411	010100074301	32	1-32	Quản trị nhân sự	2	16/11/2026	13h30	C108	Lê Thị Nhà Ca	
81	QTKD2411	010100074301	32	33-64	Quản trị nhân sự	2	16/11/2026	13h30	C109	Lê Thị Nhà Ca	
82	QTKD2411	010100074301	32	65-96	Quản trị nhân sự	2	16/11/2026	13h30	C209	Lê Thị Nhà Ca	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
83	KTHC2411	010100074601	27	1-27	Quản lý vật tư - tồn kho	2	16/11/2026	13h30	C301	Hồ Ngọc Kim Uyên	
84	KTHC2411	010100074601	26	28-53	Quản lý vật tư - tồn kho	2	16/11/2026	13h30	C302	Hồ Ngọc Kim Uyên	
85	CNTT2411	010100240701	32	1-32	Phương pháp nghiên cứu trong công nghệ thông tin	2	16/11/2026	13h30	C201	Lý Hồng Hải	
86	CNTT2411	010100240701	32	33-64	Phương pháp nghiên cứu trong công nghệ thông tin	2	16/11/2026	13h30	C203	Lý Hồng Hải	
87	CNTT2411	010100240701	32	65-96	Phương pháp nghiên cứu trong công nghệ thông tin	2	16/11/2026	13h30	C303	Lý Hồng Hải	
88	KTPM2411	010100240702	38	1-38	Phương pháp nghiên cứu trong công nghệ thông tin	2	16/11/2026	13h30	C205	Lý Hồng Hải	
89	KTPM2411	010100240702	38	39-76	Phương pháp nghiên cứu trong công nghệ thông tin	2	16/11/2026	13h30	C305	Lý Hồng Hải	
90	CNDT2411	010100251001	27	1-27	Cơ học máy	2	16/11/2026	13h30	Phòng máy 3	Phạm Thành Công	PM
91	CNDT2411	010100251001	27	28-54	Cơ học máy	2	16/11/2026	13h30	Phòng máy 4	Phạm Thành Công	PM
92	CNDT2411	010100251001	26	52-80	Cơ học máy	2	16/11/2026	13h30	Phòng máy 9	Phạm Thành Công	PM
93	KTHC2411	010100074001	26	1-26	Đo lường và thiết kế công việc	3	17/11/2026	7h30	C201	Nguyễn Thị Diễm Phúc	
94	KTHC2411	010100074001	26	27-52	Đo lường và thiết kế công việc	3	17/11/2026	7h30	C203	Nguyễn Thị Diễm Phúc	
95	QLCN2311	010100075801	30	1-30	Tài chính doanh nghiệp	3	17/11/2026	7h30	C302	Nguyễn Thị Thu An	
96	QLCN2311	010100075801	30	31-60	Tài chính doanh nghiệp	3	17/11/2026	7h30	C402	Nguyễn Thị Thu An	
97	CNDD2311	010100081501	41	1-41	Hệ thống điều khiển số	3	17/11/2026	7h30	C505	Dương Ngọc Đoàn	
98	CNDD2311	010100081501	40	42-81	Hệ thống điều khiển số	3	17/11/2026	7h30	C506	Dương Ngọc Đoàn	
99	LUAT2411	010100258901	34	1-34	Kỹ năng soạn thảo văn bản	3	17/11/2026	7h30	C207	Tô Kim Dung	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
100	LUAT2411	010100258901	34	35-68	Kỹ năng soạn thảo văn bản	3	17/11/2026	7h30	C303	Tô Kim Dung	
101	NGNA2411	010100265201	40	1-40	Biên dịch thực hành	3	17/11/2026	7h30	C305	Đặng Thị Bảo Dung	
102	NGNA2411	010100265201	40	41-80	Biên dịch thực hành	3	17/11/2026	7h30	C306	Đặng Thị Bảo Dung	
103	TCNH2411	010100273001	40	1-40	Quản trị rủi ro tài chính	3	17/11/2026	7h30	C107	Trương Diễm Kiều	
104	TCNH2411	010100273001	40	41-80	Quản trị rủi ro tài chính	3	17/11/2026	7h30	C108	Trương Diễm Kiều	
105	LQCC2511	010100072601	33	1-33	Quản lý sản xuất	3	17/11/2026	13h30	C108	Nguyễn Thị Diễm Phúc	
106	LQCC2511	010100072601	33	34-66	Quản lý sản xuất	3	17/11/2026	13h30	C109	Nguyễn Thị Diễm Phúc	
107	LQCC2511	010100072601	32	67-98	Quản lý sản xuất	3	17/11/2026	13h30	C209	Nguyễn Thị Diễm Phúc	
108	CNDT2411	010100077901	40	1-40	Phương pháp tính kỹ thuật	3	17/11/2026	13h30	C505	Huỳnh Nguyễn Xuân Cẩn	
109	CNDT2411	010100077901	40	41-80	Phương pháp tính kỹ thuật	3	17/11/2026	13h30	C506	Huỳnh Nguyễn Xuân Cẩn	
110	QLCN2411	010100142801	36	1-33	Nghệ thuật lãnh đạo	3	17/11/2026	13h30	C405	Trần Hoàng Khánh Vy	
111	QLCN2411	010100142801	30	34-66	Nghệ thuật lãnh đạo	3	17/11/2026	13h30	C303	Trần Hoàng Khánh Vy	
112	KETO2511	010100142802	26	1-26	Nghệ thuật lãnh đạo	3	17/11/2026	13h30	Phòng máy 1	Tô Ngọc Hà	PM
113	KETO2511	010100142802	30	27-56	Nghệ thuật lãnh đạo	3	17/11/2026	13h30	Phòng máy 2	Tô Ngọc Hà	PM
114	KETO2511	010100142802	26	57-82	Nghệ thuật lãnh đạo	3	17/11/2026	13h30	Phòng máy 3	Tô Ngọc Hà	PM
115	CNSH2311	010100221301	24	1-24	Công nghệ DNA tái tổ hợp	3	17/11/2026	13h30	C401	Nguyễn Cao Quan Bình, Nguyễn Thị Mai Khanh	
116	CNSH2311	010100221301	23	25-47	Công nghệ DNA tái tổ hợp	3	17/11/2026	13h30	C402	Nguyễn Cao Quan Bình, Nguyễn Thị Mai Khanh	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
117	KHDL2511	010100233503	38	1-38	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	17/11/2026	13h30	C105	Nguyễn Thị Cẩm Tú	
118	KHDL2511	010100233503	37	114-149	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	17/11/2026	13h30	C406	Nguyễn Thị Cẩm Tú	
119	KHDL2511	010100233503	37	39-75	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	17/11/2026	13h30	C206	Nguyễn Thị Cẩm Tú	
120	KHDL2511	010100233503	37	76-113	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	17/11/2026	13h30	C306	Nguyễn Thị Cẩm Tú	
121	QTKD2411	010100236901	35	1-32	Đàm phán trong kinh doanh	3	17/11/2026	15h30	Phòng máy 2	Nguyễn Bách Khoa	PM
122	QTKD2411	010100236901	32	33-64	Đàm phán trong kinh doanh	3	17/11/2026	15h30	Phòng máy 7	Nguyễn Bách Khoa	PM
123	QTKD2411	010100236901	30	65-97	Đàm phán trong kinh doanh	3	17/11/2026	15h30	Phòng máy 9	Nguyễn Bách Khoa	PM
124	KTNL2311	010100275601	24	1-24	Công nghệ lưu trữ năng lượng	3	17/11/2026	15h30	C401	Nguyễn Trần Thị Mỹ Xuân	
125	KTNL2311	010100275601	23	25-47	Công nghệ lưu trữ năng lượng	3	17/11/2026	15h30	C402	Nguyễn Trần Thị Mỹ Xuân	
126	KTNL2411	010100078401	22	1-22	Hình họa và vẽ kỹ thuật điện	4	18/11/2026	7h30	Phòng máy 4	Lê Quốc Khương	PM
127	KTNL2411	010100078401	21	23-43	Hình họa và vẽ kỹ thuật điện	4	18/11/2026	7h30	Phòng máy 5	Lê Quốc Khương	PM
128	KTPM2211	010100254101	40	1-40	Thiết kế giao diện người dùng đồ họa	4	18/11/2026	7h30	C105	Đặng Thị Dung	
129	KTPM2211	010100254101	40	41-80	Thiết kế giao diện người dùng đồ họa	4	18/11/2026	7h30	C206	Đặng Thị Dung	
130	CNTT2311	010100254102	31	1-31	Thiết kế giao diện người dùng đồ họa	4	18/11/2026	7h30	C301	Đặng Thị Dung	
131	CNTT2311	010100254102	31	32-62	Thiết kế giao diện người dùng đồ họa	4	18/11/2026	7h30	C302	Đặng Thị Dung	
132	CNTT2311	010100254102	31	63-92	Thiết kế giao diện người dùng đồ họa	4	18/11/2026	7h30	C303	Đặng Thị Dung	
133	TCNH2311	010100271301	26	1-26	Thẩm định giá tài sản	4	18/11/2026	7h30	Phòng máy 1	Dương Quang Tùng	PM

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
134	TCNH2311	010100271301	25	27-51	Thẩm định giá tài sản	4	18/11/2026	7h30	Phòng máy 2	Dương Quang Tùng	PM
135	TCNH2311	010100271301	25	52-76	Thẩm định giá tài sản	4	18/11/2026	7h30	Phòng máy 3	Dương Quang Tùng	PM
136	CNDD2411	010100299401	26	1-26	Kỹ thuật an toàn điện	4	18/11/2026	7h30	C201	Hồ Việt Thống	
137	CNDD2411	010100299401	25	27-51	Kỹ thuật an toàn điện	4	18/11/2026	7h30	C203	Hồ Việt Thống	
138	CNDD2412	010100299402	40		Kỹ thuật an toàn điện	4	18/11/2026	7h30	C205	Diệp Long	
139	CNDD2511	010100299403	37	1-37	Kỹ thuật an toàn điện	4	18/11/2026	7h30	C406	Nguyễn Văn Hậu	
140	CNDD2511	010100299403	36	38-73	Kỹ thuật an toàn điện	4	18/11/2026	7h30	C505	Nguyễn Văn Hậu	
141	HTTT2411	010100091301	32	1-32	Lập trình Web	4	18/11/2026	9h30	C301	Nguyễn Thị Hồng Yến	
142	HTTT2411	010100091301	31	33-63	Lập trình Web	4	18/11/2026	9h30	C302	Nguyễn Thị Hồng Yến	
143	CNDT2311	010100143901	32	1-32	Mạng truyền thông công nghiệp	4	18/11/2026	9h30	C401	Hồ Thế Anh	
144	CNDT2311	010100143901	31	33-63	Mạng truyền thông công nghiệp	4	18/11/2026	9h30	C402	Hồ Thế Anh	
145	QLXD2411	010100182201	30	1-30	Nền móng công trình	4	18/11/2026	9h30	C502	Hồ Quang Vinh	
146	QLXD2411	010100182201	30	31-60	Nền móng công trình	4	18/11/2026	9h30	C503	Hồ Quang Vinh	
147	KHMT2311	010100229701	35	1-35	Tính toán song song và phân tán	4	18/11/2026	9h30	Phòng máy 2	Lê Anh Nhã Uyên	PM
148	KHMT2311	010100229701	30	36-65	Tính toán song song và phân tán	4	18/11/2026	9h30	Phòng máy 1	Lê Anh Nhã Uyên	PM
149	LUAT2411	010100260101	36	1-36	Luật đầu tư	4	18/11/2026	9h30	C406	Huỳnh Thị Thu Oanh	
150	LUAT2411	010100260101	35	37-71	Luật đầu tư	4	18/11/2026	9h30	C505	Huỳnh Thị Thu Oanh	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
151	KETO2511	010100268001	28	1-28	Nguyên lý thống kê kinh tế	4	18/11/2026	9h30	Phòng máy 3	Trần Quốc Dũng	PM
152	KETO2511	010100268001	28	29-56	Nguyên lý thống kê kinh tế	4	18/11/2026	9h30	Phòng máy 4	Trần Quốc Dũng	PM
153	KETO2511	010100268001	27	57-83	Nguyên lý thống kê kinh tế	4	18/11/2026	9h30	Phòng máy 5	Trần Quốc Dũng	PM
154	KETO2311	010100271201	38	1-38	Kế toán ngân hàng	4	18/11/2026	9h30	C205	Nguyễn Túc Nhiên	
155	KETO2311	010100271201	37	39-75	Kế toán ngân hàng	4	18/11/2026	9h30	C206	Nguyễn Túc Nhiên	
156	CNHH2411	010100278401	24	1-24	Hóa lý 2	4	18/11/2026	9h30	C203	Nguyễn Thị Yến Nhi, Vi Nhã Trân	
157	CNHH2411	010100278401	23	25-47	Hóa lý 2	4	18/11/2026	9h30	C303	Nguyễn Thị Yến Nhi, Vi Nhã Trân	
158	CNTP2411	010100085001	26	1-26	Nước cấp, nước thải kỹ nghệ	4	18/11/2026	13h30	C101	Nguyễn Hồng Xuân	
159	CNTP2411	010100085001	26	27-52	Nước cấp, nước thải kỹ nghệ	4	18/11/2026	13h30	C203	Nguyễn Hồng Xuân	
160	CNSH2411	010100220401	26	1-26	Quá trình và thiết bị công nghệ sinh học	4	18/11/2026	13h30	C301	Đinh Hoàng Lan Chi, Hoàng Thị Phương Thảo	
161	CNSH2411	010100220401	25	27-51	Quá trình và thiết bị công nghệ sinh học	4	18/11/2026	13h30	C303	Đinh Hoàng Lan Chi, Hoàng Thị Phương Thảo	
162	NGNA2411	010100265401	40	1-40	Ngữ âm - Âm vị học	4	18/11/2026	13h30	C105	Lê Kinh Quốc	
163	NGNA2411	010100265401	40	41-80	Ngữ âm - Âm vị học	4	18/11/2026	13h30	C205	Lê Kinh Quốc	
164	TCNH2511	010100272101	25	1-25	Tiền tệ - Ngân hàng	4	18/11/2026	13h30	Phòng máy 2	Hồ Phạm Thanh Lan	PM
165	TCNH2511	010100272101	25	26-50	Tiền tệ - Ngân hàng	4	18/11/2026	13h30	Phòng máy 3	Hồ Phạm Thanh Lan	PM
166	TCNH2511	010100272101	24	51-74	Tiền tệ - Ngân hàng	4	18/11/2026	13h30	Phòng máy 4	Hồ Phạm Thanh Lan	PM
167	CNHH2511	010100278001	26	1-26	Hóa hữu cơ	4	18/11/2026	13h30	C201	Nguyễn Văn Kiệt, Trần Bá Luân	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
168	CNHH2511	010100278001	25	27-51	Hóa hữu cơ	4	18/11/2026	13h30	C202	Nguyễn Văn Kiệt, Trần Bá Luân	
169	KHDL2411	010100240601	24	1-24	Ngôn ngữ lập trình 2	4	18/11/2026	15h30	Phòng máy 6	Trần Vũ Kiệt	PM
170	KHDL2411	010100240601	23	25-47	Ngôn ngữ lập trình 2	4	18/11/2026	15h30	Phòng máy 9	Trần Vũ Kiệt	PM
171	KHDL2411	010100240601	22	48-69	Ngôn ngữ lập trình 2	4	18/11/2026	15h30	Phòng máy 10	Trần Vũ Kiệt	PM
172	NGNA2511	010100263901	44		Viết 1	4	18/11/2026	15h30	C107	Kim Thanh Tuyên	
173	NGNA2511	010100263902	39		Viết 1	4	18/11/2026	15h30	C205	Kim Thanh Tuyên	
174	TCNH2411	010100268801	27	1-27	Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề	4	18/11/2026	15h30	Phòng máy 2	Nguyễn Bích Ngọc	PM
175	TCNH2411	010100268801	25	28-52	Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề	4	18/11/2026	15h30	Phòng máy 3	Nguyễn Bích Ngọc	PM
176	TCNH2411	010100268801	25	53-77	Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề	4	18/11/2026	15h30	Phòng máy 4	Nguyễn Bích Ngọc	PM
177	KTHC2311	010100075901	24	1-24	Quản lý sản xuất theo Lean &JIT	5	19/11/2026	7h30	C203	Phạm Thị Bích Trâm	
178	KTHC2311	010100075901	24	25-48	Quản lý sản xuất theo Lean &JIT	5	19/11/2026	7h30	C303	Phạm Thị Bích Trâm	
179	KTHC2411	010100075902	26	1-26	Quản lý sản xuất theo Lean &JIT	5	19/11/2026	7h30	C501	Phạm Thị Bích Trâm	
180	KTHC2411	010100075902	26	27-52	Quản lý sản xuất theo Lean &JIT	5	19/11/2026	7h30	C502	Phạm Thị Bích Trâm	
181	CNCD2311	010100120301	24	1-24	Hệ thống nhúng	5	19/11/2026	7h30	C401	Nguyễn Lê Thế Duy	
182	CNCD2311	010100120301	23	25-47	Hệ thống nhúng	5	19/11/2026	7h30	C402	Nguyễn Lê Thế Duy	
183	CNDT2311	010100120302	31	1-31	Hệ thống nhúng	5	19/11/2026	7h30	C201	Đỗ Vinh Quang	
184	CNDT2311	010100120302	30	32-61	Hệ thống nhúng	5	19/11/2026	7h30	C202	Đỗ Vinh Quang	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
185	QLXD2411	010100182301	32	1-32	Quản lý dự án xây dựng	5	19/11/2026	7h30	C301	Lê Hữu Quốc Phong	
186	QLXD2411	010100182301	31	33-63	Quản lý dự án xây dựng	5	19/11/2026	7h30	C302	Lê Hữu Quốc Phong	
187	KETO2311	010100271101	38	1-38	Khai báo thuế	5	19/11/2026	7h30	C205	Nguyễn Túc Nhiên	
188	KETO2311	010100271101	38	39-76	Khai báo thuế	5	19/11/2026	7h30	C206	Nguyễn Túc Nhiên	
189	HTTT2411	010100091901	34	1-32	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL	5	19/11/2026	9h30	Phòng máy 2	Trần Thị Thùy Dương	PM
190	HTTT2411	010100091901	28	33-62	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL	5	19/11/2026	9h30	Phòng máy 3	Trần Thị Thùy Dương	PM
191	QTKD2511	010100146501	33	1-33	Luật kinh tế	5	19/11/2026	9h30	C303	Huỳnh Văn Tùng, Nguyễn Thị Ngọc Anh	
192	QTKD2511	010100146501	33	34-66	Luật kinh tế	5	19/11/2026	9h30	C402	Huỳnh Văn Tùng, Nguyễn Thị Ngọc Anh	
193	QTKD2511	010100146501	32	67-98	Luật kinh tế	5	19/11/2026	9h30	C506	Huỳnh Văn Tùng, Nguyễn Thị Ngọc Anh	
194	QTKD2311	010100236001	30	1-30	Phân tích hoạt động kinh doanh	5	19/11/2026	9h30	C201	Nguyễn Thị Bích Liên, Trần Hoàng Khánh Vy	
195	QTKD2311	010100236001	30	31-60	Phân tích hoạt động kinh doanh	5	19/11/2026	9h30	C202	Nguyễn Thị Bích Liên, Trần Hoàng Khánh Vy	
196	QTKD2311	010100236001	29	61-89	Phân tích hoạt động kinh doanh	5	19/11/2026	9h30	C203	Nguyễn Thị Bích Liên, Trần Hoàng Khánh Vy	
197	LUAT2511	010100247401	39	1-39	Luật hành chính	5	19/11/2026	9h30	C205	Trương Chánh Đức	
198	LUAT2511	010100247401	38	40-77	Luật hành chính	5	19/11/2026	9h30	C206	Trương Chánh Đức	
199	KETO2411	010100271601	36	1-36	Kế toán ngân sách	5	19/11/2026	9h30	C109	Nguyễn Văn Hồng	
200	KETO2411	010100271601	36	37-72	Kế toán ngân sách	5	19/11/2026	9h30	C209	Nguyễn Văn Hồng	
201	NGNA2511	010100287001	38	1-38	Nhật ngữ căn bản 1	5	19/11/2026	9h30	C305	Phạm Hồng Phát	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
202	NGNA2511	010100287001	37	39-75	Nhật ngữ căn bản 1	5	19/11/2026	9h30	C406	Phạm Hồng Phát	
203	CNTP2411	010100085101	45		Kỹ thuật sấy	5	19/11/2026	13h30	C206	Trần Thị Thùy Linh	
204	CNTT2211	010100253901	24	1-24	Tính toán lượng tử	5	19/11/2026	13h30	Phòng máy 7	Nguyễn Trung Kiên	PM
205	CNTT2211	010100253901	24	25-48	Tính toán lượng tử	5	19/11/2026	13h30	Phòng máy 9	Nguyễn Trung Kiên	PM
206	CNTT2211	010100253901	23	49-71	Tính toán lượng tử	5	19/11/2026	13h30	Phòng máy 10	Nguyễn Trung Kiên	PM
207	KHMT2211	010100253902	24	1-24	Tính toán lượng tử	5	19/11/2026	13h30	Phòng máy 3	Nguyễn Trung Kiên	PM
208	KHMT2211	010100253902	24	25-48	Tính toán lượng tử	5	19/11/2026	13h30	Phòng máy 4	Nguyễn Trung Kiên	PM
209	KTNL2411	010100275401	39		Mô hình hóa và mô phỏng vật lý	5	19/11/2026	13h30	C406	Trần Trung Khánh	
210	LQCC2411	010100234301	33	1-33	Pháp luật về Logistics	5	19/11/2026	15h30	C107	Nguyễn Đoàn Kim Thoại	
211	LQCC2411	010100234301	33	34-66	Pháp luật về Logistics	5	19/11/2026	15h30	C108	Nguyễn Đoàn Kim Thoại	
212	LQCC2411	010100234301	32	67-98	Pháp luật về Logistics	5	19/11/2026	15h30	C109	Nguyễn Đoàn Kim Thoại	
213	CNTP2311	010100251701	38		Các kỹ thuật chế biến hiện đại	5	19/11/2026	15h30	C505	Trần Thị Minh Thư, Vi Nhã Tuấn	
214	CNTP2311	010100251702	39		Các kỹ thuật chế biến hiện đại	5	19/11/2026	15h30	C506	Trần Thị Minh Thư	
215	CNDD2311	010100081101	38	1-38	Kỹ thuật điện lạnh	7	21/11/2026	7h30	C105	Hồ Việt Thống	
216	CNDD2311	010100081101	38	39-76	Kỹ thuật điện lạnh	7	21/11/2026	7h30	C305	Hồ Việt Thống	
217	CNCD2311	010100120701	24	1-24	Điều khiển quá trình	7	21/11/2026	7h30	C405	Đỗ Vinh Quang	
218	CNCD2311	010100120701	23	25-47	Điều khiển quá trình	7	21/11/2026	7h30	C402	Đỗ Vinh Quang	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
219	LUAT0121	010100261701	1		Luật hình sự quốc tế	7	21/11/2026	7h30	C301	Lê Ngọc Thành	ghep c305
220	KTNL2311	010100277501	23	1-23	Biến đổi năng lượng điện hóa	7	21/11/2026	7h30	C201	Trần Hữu Tính	
221	KTNL2311	010100277501	23	24-46	Biến đổi năng lượng điện hóa	7	21/11/2026	7h30	C202	Trần Hữu Tính	
222	QLCN2411	010100142401	34	1-34	Quản trị marketing	7	21/11/2026	13h30	C207	Nguyễn Lê Hoa Tuyết	
223	QLCN2411	010100142401	34	35-68	Quản trị marketing	7	21/11/2026	13h30	C208	Nguyễn Lê Hoa Tuyết	
224	QTKD2511	010100142402	33	1-33	Quản trị marketing	7	21/11/2026	13h30	C201	Nguyễn Lê Hoa Tuyết	
225	QTKD2511	010100142402	32	34-65	Quản trị marketing	7	21/11/2026	13h30	C202	Nguyễn Lê Hoa Tuyết	
226	QTKD2511	010100142402	32	66-98	Quản trị marketing	7	21/11/2026	13h30	C205	Nguyễn Lê Hoa Tuyết	
227	CNDT2511	010100175101	44	1-44	Kỹ thuật điện B	7	21/11/2026	13h30	C108	Nguyễn Văn Khán	
228	CNDT2511	010100175101	43	45-87	Kỹ thuật điện B	7	21/11/2026	13h30	C109	Nguyễn Văn Khán	
229	CNTP2511	010100083401	42		Các quá trình cơ học	7	21/11/2026	15h30	C306	Lư Văn Lil,Vi Nhã Tuấn	
230	CNTP2511	010100083402	23	1-23	Các quá trình cơ học	7	21/11/2026	15h30	C201	Lư Văn Lil	
231	CNTP2511	010100083402	23	24-46	Các quá trình cơ học	7	21/11/2026	15h30	C202	Lư Văn Lil	
232	CNHH2411	010100233701	42	1-42	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	23/11/2026	7h30	C306	Phạm Thị Huệ	
233	CNHH2411	010100233701	42	43-84	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	23/11/2026	7h30	C406	Phạm Thị Huệ	
234	CNHH2411	010100233701	41	85-125	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	23/11/2026	7h30	C506	Phạm Thị Huệ	
235	NGNA2411	010100233704	43	1-43	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	23/11/2026	7h30	C105	Phạm Thị Huệ	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
236	NGNA2411	010100233704	43	44-86	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	23/11/2026	7h30	C106	Phạm Thị Huệ	
237	NGNA2411	010100233704	42	87-128	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	23/11/2026	7h30	C205	Phạm Thị Huệ	
238	CNTP2411	010100241501	45		Thống kê - phép thí nghiệm (CNTP)	2	23/11/2026	7h30	C206	Lư Văn Lil,Nguyễn Hồng Xuân	
239	CNTP2411	010100241502	25	1-25	Thống kê - phép thí nghiệm (CNTP)	2	23/11/2026	7h30	C201	Lư Văn Lil,Nguyễn Hồng Xuân	
240	CNTP2411	010100241502	24	26-49	Thống kê - phép thí nghiệm (CNTP)	2	23/11/2026	7h30	C202	Lư Văn Lil,Nguyễn Hồng Xuân	
241	CNDT2411	010100250401	20	1-20	Anh văn chuyên ngành điều khiển	2	23/11/2026	7h30	C101	Cao Sang	VANDAP
242	CNDT2411	010100250401	20		Anh văn chuyên ngành điều khiển	2	23/11/2026	7h30	C102	Cao Sang	VANDAP
243	CNDT2511	010100300701	44	1-44	Lập trình ứng dụng điện tử	2	23/11/2026	7h30	C209	Trần Hoài Tâm	
244	CNDT2511	010100300701	43	45-87	Lập trình ứng dụng điện tử	2	23/11/2026	7h30	C208	Trần Hoài Tâm	
245	LQCC2411	010100075701	33	1-33	Hệ thống thông tin quản lý	2	23/11/2026	9h30	C207	La Hồng Liên	
246	LQCC2411	010100075701	33	34-66	Hệ thống thông tin quản lý	2	23/11/2026	9h30	C208	La Hồng Liên	
247	LQCC2411	010100075701	33	67-99	Hệ thống thông tin quản lý	2	23/11/2026	9h30	C209	La Hồng Liên	
248	QLCN2411	010100075702	32	1-32	Hệ thống thông tin quản lý	2	23/11/2026	9h30	C301	Hồ Ngọc Kim Uyên	
249	QLCN2411	010100075702	31	33-63	Hệ thống thông tin quản lý	2	23/11/2026	9h30	C302	Hồ Ngọc Kim Uyên	
250	CNDT2411	010100250401	20		Anh văn chuyên ngành điều khiển	2	23/11/2026	9h30	C202	Cao Sang	VANDAP
251	CNDT2411	010100250401	20	21-40	Anh văn chuyên ngành điều khiển	2	23/11/2026	9h30	C201	Cao Sang	VANDAP
252	LUAT0121	010100257701	2		Logic học đại cương	2	23/11/2026	9h30	C303	Lê Ngọc Thành	Ghep c302

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
253	CNCD2611	010100299501	38	1-38	Vật lý Kỹ thuật	2	23/11/2026	9h30	C205	Nguyễn Trúc Anh	
254	CNCD2611	010100299501	38	39-76	Vật lý Kỹ thuật	2	23/11/2026	9h30	C206	Nguyễn Trúc Anh	
255	CNDT2611	010100299502	33	1-33	Vật lý Kỹ thuật	2	23/11/2026	9h30	C306	Nguyễn Trúc Anh	
256	CNDT2611	010100299502	33	34-66	Vật lý Kỹ thuật	2	23/11/2026	9h30	C405	Nguyễn Trúc Anh	
257	CNDT2611	010100299502	32	67-98	Vật lý Kỹ thuật	2	23/11/2026	9h30	C406	Nguyễn Trúc Anh	
258	LQCC2311	010100074401	34	1-34	Kỹ thuật ra quyết định	2	23/11/2026	13h30	C305	Phạm Thị Bích Trâm	
259	LQCC2311	010100074401	34	35-64	Kỹ thuật ra quyết định	2	23/11/2026	13h30	C306	Phạm Thị Bích Trâm	
260	LQCC2311	010100074401	34	65-102	Kỹ thuật ra quyết định	2	23/11/2026	13h30	C406	Phạm Thị Bích Trâm	
261	CNCD2411	010100080501	33	1-33	Vi điều khiển	2	23/11/2026	13h30	C205	Đường Khánh Sơn, Trần Thị Thanh Thảo	
262	CNCD2411	010100080501	33	34-66	Vi điều khiển	2	23/11/2026	13h30	C206	Đường Khánh Sơn, Trần Thị Thanh Thảo	
263	HTTT2511	010100088801	25	1-25	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	2	23/11/2026	13h30	Phòng máy 1	Nguyễn Thúy Anh	PM
264	HTTT2511	010100088801	24	26-49	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	2	23/11/2026	13h30	Phòng máy 3	Nguyễn Thúy Anh	PM
265	HTTT2511	010100088801	24	50-73	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	2	23/11/2026	13h30	Phòng máy 4	Nguyễn Thúy Anh	PM
266	CNDT2411	010100250401	20		Anh văn chuyên ngành điều khiển	2	23/11/2026	13h30	C202	Cao Sang	VANDAP
267	CNDT2411	010100250401	20	41-60	Anh văn chuyên ngành điều khiển	2	23/11/2026	13h30	C201	Cao Sang	VANDAP
268	CNTT2411	010100284601	33	1-32	Kiến trúc thông tin	2	23/11/2026	13h30	Phòng máy 2	Trần Thị Thủy Dương	PM
269	CNTT2411	010100284601	33	33-64	Kiến trúc thông tin	2	23/11/2026	13h30	Phòng máy 7	Trần Thị Thủy Dương	PM

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
270	CNTT2411	010100284601	30	65-96	Kiến trúc thông tin	2	23/11/2026	13h30	Phòng máy 9	Trần Thị Thùy Dương	PM
271	KTPM2511	010100089401	27	1-27	Cơ sở dữ liệu	2	23/11/2026	15h30	Phòng máy 3	Nguyễn Tấn Sang, Phạm Yến Nhi	PM
272	KTPM2511	010100089401	26	28-53	Cơ sở dữ liệu	2	23/11/2026	15h30	Phòng máy 4	Nguyễn Tấn Sang, Phạm Yến Nhi	PM
273	KTPM2511	010100089401	26	54-79	Cơ sở dữ liệu	2	23/11/2026	15h30	Phòng máy 5	Nguyễn Tấn Sang, Phạm Yến Nhi	PM
274	CNTT2411	010100229801	33	1-33	Phân tích và trực quan dữ liệu	2	23/11/2026	15h30	C406	Lý Hồng Hải	
275	CNTT2411	010100229801	33	34-66	Phân tích và trực quan dữ liệu	2	23/11/2026	15h30	C505	Lý Hồng Hải	
276	CNTT2411	010100229801	32	67-98	Phân tích và trực quan dữ liệu	2	23/11/2026	15h30	C506	Lý Hồng Hải	
277	CNDT2411	010100250401	18		Anh văn chuyên ngành điều khiển	2	23/11/2026	15h30	C202	Cao Sang	VANDAP
278	CNDT2411	010100250401	18	61-78	Anh văn chuyên ngành điều khiển	2	23/11/2026	15h30	C201	Cao Sang	VANDAP
279	NGNA2511	010100264701	38	1-38	Ngữ pháp 3	2	23/11/2026	15h30	C305	Thái Thị Bích Phượng	
280	NGNA2511	010100264701	37	39-75	Ngữ pháp 3	2	23/11/2026	15h30	C306	Thái Thị Bích Phượng	
281	QTKD2311	010100274501	30	1-30	Quản trị kinh doanh dịch vụ	2	23/11/2026	15h30	C301	Lê Thị Nhả Ca	
282	QTKD2311	010100274501	30	31-60	Quản trị kinh doanh dịch vụ	2	23/11/2026	15h30	C302	Lê Thị Nhả Ca	
283	QTKD2311	010100274501	29	61-89	Quản trị kinh doanh dịch vụ	2	23/11/2026	15h30	C303	Lê Thị Nhả Ca	
284	CNSH2311	010100085301	24	1-24	Hóa học thực phẩm	4	25/11/2026	7h30	C201	Trần Thị Minh Thư, Trương Huỳnh Thanh Hoa	
285	CNSH2311	010100085301	24	25-48	Hóa học thực phẩm	4	25/11/2026	7h30	C202	Trần Thị Minh Thư, Trương Huỳnh Thanh Hoa	
286	CNHH2411	010100117701	28	1-28	Toán kỹ thuật	4	25/11/2026	7h30	C505	Huỳnh Nguyễn Xuân Cẩn	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
287	CNHH2411	010100117701	27	29-55	Toán kỹ thuật	4	25/11/2026	7h30	C506	Huỳnh Nguyễn Xuân Cẩn	
288	CNDT2311	010100175501	34	1-34	CAD, CAM, CNC	4	25/11/2026	7h30	Phòng máy 7	Nguyễn Minh Thư	PM
289	CNDT2311	010100175501	29	35-63	CAD, CAM, CNC	4	25/11/2026	7h30	Phòng máy 1	Nguyễn Minh Thư	PM
290	CNTP2311	010100199001	39		Enzyme trong công nghệ thực phẩm	4	25/11/2026	7h30	C205	Lê Trí Ân	
291	CNTP2311	010100199002	38		Enzyme trong công nghệ thực phẩm	4	25/11/2026	7h30	C206	Lê Trí Ân	
292	HTTT2211	010100212101	37		Điện toán đám mây	4	25/11/2026	7h30	Phòng máy 2	Nguyễn Trung Việt	PM
293	CNTT2211	010100212102	31	1-31	Điện toán đám mây	4	25/11/2026	7h30	Phòng máy 9	Nguyễn Trung Việt	PM
294	CNTT2211	010100212102	29	32-60	Điện toán đám mây	4	25/11/2026	7h30	Phòng máy 6	Nguyễn Trung Việt	PM
295	QTKD2411	010100274101	34	1-34	Nghiên cứu marketing	4	25/11/2026	7h30	C305	Nguyễn Huỳnh Phước Thiện	
296	QTKD2411	010100274101	34	35-68	Nghiên cứu marketing	4	25/11/2026	7h30	C306	Nguyễn Huỳnh Phước Thiện	
297	QTKD2411	010100274101	33	69-101	Nghiên cứu marketing	4	25/11/2026	7h30	C406	Nguyễn Huỳnh Phước Thiện	
298	CNDD2411	010100306601	26	1-26	Máy điện	4	25/11/2026	7h30	C301	Nguyễn Văn Khán	
299	CNDD2411	010100306601	25	27-51	Máy điện	4	25/11/2026	7h30	C302	Nguyễn Văn Khán	
300	KTPM2411	010100089101	27	1-27	Hệ điều hành	4	25/11/2026	9h30	C201	Hồng Thanh Luận	
301	KTPM2411	010100089101	27	28-54	Hệ điều hành	4	25/11/2026	9h30	C202	Hồng Thanh Luận	
302	KTPM2411	010100089101	27	55-81	Hệ điều hành	4	25/11/2026	9h30	C203	Hồng Thanh Luận	
303	HTTT2411	010100091501	32	1-32	Lập trình Java 2	4	25/11/2026	9h30	Phòng máy 9	Trần Vũ Kiệt	PM

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
304	HTTT2411	010100091501	30	33-62	Lập trình Java 2	4	25/11/2026	9h30	Phòng máy 10	Trần Vũ Kiệt	PM
305	KHDL2411	010100245001	32	1-32	Hệ thống và công nghệ Web	4	25/11/2026	9h30	C405	Nguyễn Thị Hồng Yến, Trịnh Thanh Duy	
306	KHDL2411	010100245001	32	33-64	Hệ thống và công nghệ Web	4	25/11/2026	9h30	C406	Nguyễn Thị Hồng Yến, Trịnh Thanh Duy	
307	NGNA2511	010100263701	39		Nghe - Nói 3	4	25/11/2026	9h30	C305	Trần Thị Cẩm Nang	
308	NGNA2511	010100263702	37		Nghe - Nói 3	4	25/11/2026	9h30	C306	Trần Thị Cẩm Nang	
309	TCNH2411	010100268201	28	1-28	Anh văn chuyên ngành kinh tế	4	25/11/2026	9h30	Phòng máy 1	Phạm Thị Bé Năm	PM
310	TCNH2411	010100268201	27	29-54	Anh văn chuyên ngành kinh tế	4	25/11/2026	9h30	Phòng máy 3	Phạm Thị Bé Năm	PM
311	TCNH2411	010100268201	27	55-82	Anh văn chuyên ngành kinh tế	4	25/11/2026	9h30	Phòng máy 4	Phạm Thị Bé Năm	PM
312	KETO2411	010100268202	35	1-35	Anh văn chuyên ngành kinh tế	4	25/11/2026	9h30	Phòng máy 2	Nguyễn Thị Ly Phương	PM
313	KETO2411	010100268202	35	36-70	Anh văn chuyên ngành kinh tế	4	25/11/2026	9h30	Phòng máy 7	Nguyễn Thị Ly Phương	PM
314	CNDD2512	010100299301	37		Linh kiện điện tử	4	25/11/2026	9h30	C206	Vũ Văn Quang	
315	CNDD2412	010100306501	40		Kỹ thuật xung	4	25/11/2026	9h30	C205	Trần Nhựt Khải Hoàn	
316	QLCN2411	010100074102	33	1-33	Quản lý công nghệ	4	25/11/2026	13h30	Phòng máy 2	Đinh Thị Kiều Oanh	PM
317	QLCN2411	010100074102	29	34-62	Quản lý công nghệ	4	25/11/2026	13h30	Phòng máy 1	Đinh Thị Kiều Oanh	PM
318	KHMT2311	010100090501	34	1-34	Hệ trợ giúp quyết định	4	25/11/2026	13h30	C107	Lê Ngọc Đào, Nguyễn Tấn Phú	
319	KHMT2311	010100090501	34	35-68	Hệ trợ giúp quyết định	4	25/11/2026	13h30	C109	Lê Ngọc Đào, Nguyễn Tấn Phú	
320	KTPM2311	010100090502	34	1-34	Hệ trợ giúp quyết định	4	25/11/2026	13h30	C405	Nguyễn Tấn Phú	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
321	KTPM2311	010100090502	34	35-68	Hệ trợ giúp quyết định	4	25/11/2026	13h30	C406	Nguyễn Tấn Phú	
322	CNXD2511	010100177001	40	1-40	Sức bền vật liệu	4	25/11/2026	13h30	C105	Nguyễn Thanh Tuấn	
323	CNXD2511	010100177001	39	41-79	Sức bền vật liệu	4	25/11/2026	13h30	C205	Nguyễn Thanh Tuấn	
324	QLXD2511	010100177002	40	1-40	Sức bền vật liệu	4	25/11/2026	13h30	C305	Lê Hoàng	
325	QLXD2511	010100177002	39	41-79	Sức bền vật liệu	4	25/11/2026	13h30	C306	Lê Hoàng	
326	CNSH2411	010100220201	26	1-26	Công nghệ vi sinh	4	25/11/2026	13h30	C301	Đoàn Thị Kiều Tiên, Hoàng Thị Phương Thảo, Trần Hoàng Hiệp	
327	CNSH2411	010100220201	25	27-51	Công nghệ vi sinh	4	25/11/2026	13h30	C303	Đoàn Thị Kiều Tiên, Hoàng Thị Phương Thảo, Trần Hoàng Hiệp	
328	KTNL2311	010100276201	23	1-23	Công nghệ sản xuất năng lượng điện	4	25/11/2026	13h30	Phòng máy 3	Võ Minh Thiện	PM
329	KTNL2311	010100276201	23	24-46	Công nghệ sản xuất năng lượng điện	4	25/11/2026	13h30	Phòng máy 4	Võ Minh Thiện	PM
330	KHDL2511	010100299601	32	1-32	Giải tích cho Công nghệ thông tin	4	25/11/2026	13h30	C201	Phạm Thanh Dục	
331	KHDL2511	010100299601	31	33-63	Giải tích cho Công nghệ thông tin	4	25/11/2026	13h30	C202	Phạm Thanh Dục	
332	HTTT2611	010100299602	36	1-36	Giải tích cho Công nghệ thông tin	4	25/11/2026	13h30	C207	Phạm Thanh Dục	
333	HTTT2611	010100299602	36	37-72	Giải tích cho Công nghệ thông tin	4	25/11/2026	13h30	C208	Phạm Thanh Dục	
334	KTHC2311	010100074101	23	1-23	Quản lý công nghệ	4	25/11/2026	15h30	C201	Nguyễn Thị Diễm Phúc	
335	KTHC2311	010100074101	23	24-46	Quản lý công nghệ	4	25/11/2026	15h30	C202	Nguyễn Thị Diễm Phúc	
336	CNDT2411	010100080901	40	1-40	Kỹ thuật cảm biến	4	25/11/2026	15h30	C305	Hồ Thế Anh	
337	CNDT2411	010100080901	39	41-79	Kỹ thuật cảm biến	4	25/11/2026	15h30	C306	Hồ Thế Anh	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
338	KHDL2211	010100253501	22	1-22	Blockchain căn bản	4	25/11/2026	15h30	Phòng máy 1	Lê Ngọc Đào, Nguyễn Trung Việt	PM
339	KHDL2211	010100253501	21	23-43	Blockchain căn bản	4	25/11/2026	15h30	Phòng máy 5	Lê Ngọc Đào, Nguyễn Trung Việt	PM
340	CNTT2311	010100253502	33	1-33	Blockchain căn bản	4	25/11/2026	15h30	Phòng máy 2	Võ Thanh Vinh	PM
341	CNTT2311	010100253502	33	34-66	Blockchain căn bản	4	25/11/2026	15h30	Phòng máy 7	Võ Thanh Vinh	PM
342	CNTT2311	010100253502	26	67-92	Blockchain căn bản	4	25/11/2026	15h30	Phòng máy 6	Võ Thanh Vinh	PM
343	HTTT2311	010100253503	28	1-28	Blockchain căn bản	4	25/11/2026	15h30	Phòng máy 3	Võ Thanh Vinh	PM
344	HTTT2311	010100253503	28	29-56	Blockchain căn bản	4	25/11/2026	15h30	Phòng máy 4	Võ Thanh Vinh	PM
345	CNHH2311	010100280501	40		Kỹ thuật xúc tác	4	25/11/2026	15h30	C205	Ngô Khắc Không Minh, Trần Bá Luân	
346	CNCD2511	010100077701	34	1-34	Kỹ thuật số	5	26/11/2026	7h30	C405	Đường Khánh Sơn, Trần Thị Thanh Thảo	
347	CNCD2511	010100077701	33	35-67	Kỹ thuật số	5	26/11/2026	7h30	C406	Đường Khánh Sơn, Trần Thị Thanh Thảo	
348	CNSH2311	010100222101	24	1-24	Chất điều hòa sinh trưởng thực vật	5	26/11/2026	7h30	C201	Huỳnh Thị Ngọc Mi	
349	CNSH2311	010100222101	24	25-48	Chất điều hòa sinh trưởng thực vật	5	26/11/2026	7h30	C202	Huỳnh Thị Ngọc Mi	
350	HTTT2211	010100229901	25	1-25	Phân tích cơ sở dữ liệu lớn	5	26/11/2026	7h30	Phòng máy 3	Đặng Trung Tín	PM
351	HTTT2211	010100229901	25	26-50	Phân tích cơ sở dữ liệu lớn	5	26/11/2026	7h30	Phòng máy 4	Đặng Trung Tín	PM
352	KHDL2311	010100229902	27	1-27	Phân tích cơ sở dữ liệu lớn	5	26/11/2026	7h30	Phòng máy 2	Đặng Trung Tín	PM
353	KHDL2311	010100229902	26	28-53	Phân tích cơ sở dữ liệu lớn	5	26/11/2026	7h30	Phòng máy 1	Đặng Trung Tín	PM
354	LUAT2611	010100247201	41	1-41	Lịch sử các học thuyết pháp lý	5	26/11/2026	7h30	C305	Trương Kim Phụng	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
355	LUAT2611	010100247201	40	42-81	Lịch sử các học thuyết pháp lý	5	26/11/2026	7h30	C306	Trương Kim Phụng	
356	LUAT2511	010100259201	40	1-40	Luật dân sự 2	5	26/11/2026	7h30	C505	Trương Kim Phụng	
357	LUAT2511	010100259201	37	41-77	Luật dân sự 2	5	26/11/2026	7h30	C506	Trương Kim Phụng	
358	KETO2411	010100270001	40	1-40	Kế toán tài chính 3	5	26/11/2026	7h30	C205	Huỳnh Cảnh Thanh Thanh	
359	KETO2411	010100270001	40	41-80	Kế toán tài chính 3	5	26/11/2026	7h30	C206	Huỳnh Cảnh Thanh Thanh	
360	CNDT2411	010100081401	40	1-40	Điện công nghiệp	5	26/11/2026	9h30	C205	Phó Hoàng Linh, Trần Trung Khánh	
361	CNDT2411	010100081401	39	41-79	Điện công nghiệp	5	26/11/2026	9h30	C206	Phó Hoàng Linh, Trần Trung Khánh	
362	CNTT2511	010100089501	25	1-25	Lập trình hướng đối tượng	5	26/11/2026	9h30	Phòng máy 1	Nguyễn Văn Cường	PM
363	CNTT2511	010100089501	25	26-50	Lập trình hướng đối tượng	5	26/11/2026	9h30	Phòng máy 3	Nguyễn Văn Cường	PM
364	CNTT2511	010100089501	25	51-75	Lập trình hướng đối tượng	5	26/11/2026	9h30	Phòng máy 4	Nguyễn Văn Cường	PM
365	CNTT2511	010100089501	24	76-99	Lập trình hướng đối tượng	5	26/11/2026	9h30	Phòng máy 5	Nguyễn Văn Cường	PM
366	HTTT2511	010100089502	38	1-38	Lập trình hướng đối tượng	5	26/11/2026	9h30	Phòng máy 2	Nguyễn Văn Cường	PM
367	HTTT2511	010100089502	37	39-75	Lập trình hướng đối tượng	5	26/11/2026	9h30	Phòng máy 7	Nguyễn Văn Cường	PM
368	KHDL2211	010100093701	40		Tương tác người - máy	5	26/11/2026	9h30	C406	Lê Ngọc Đào	
369	QLXD2311	010100184301	25	1-25	Quản lý an toàn xây dựng	5	26/11/2026	9h30	C301	Trần Thị Phương	
370	QLXD2311	010100184301	25	26-50	Quản lý an toàn xây dựng	5	26/11/2026	9h30	C302	Trần Thị Phương	
371	QLCN2611	010100243401	39	1-39	Nhập môn ngành quản lý công nghiệp	5	26/11/2026	9h30	C305	Nguyễn Thị Ngọc Thứ	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
372	QLCN2611	010100243401	38	40-77	Nhập môn ngành quản lý công nghiệp	5	26/11/2026	9h30	C306	Nguyễn Thị Ngọc Thứ	
373	KTNL2511	010100275001	24	1-24	Mạch điện cơ bản	5	26/11/2026	9h30	C201	Dương Ngọc Đoàn	
374	KTNL2511	010100275001	24	25-48	Mạch điện cơ bản	5	26/11/2026	9h30	C202	Dương Ngọc Đoàn	
375	KHDL2511	010100054501	23	1-23	Kỹ thuật lập trình	5	26/11/2026	13h30	Phòng máy 1	Trần Thị Thủy Dương	PM
376	KHDL2511	010100054501	22	24-45	Kỹ thuật lập trình	5	26/11/2026	13h30	Phòng máy 3	Trần Thị Thủy Dương	PM
377	KHDL2511	010100054501	22	46-67	Kỹ thuật lập trình	5	26/11/2026	13h30	Phòng máy 4	Trần Thị Thủy Dương	PM
378	QLCN2411	010100073701	32	1-32	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm	5	26/11/2026	13h30	C203	Nguyễn Thị Diễm Phúc	
379	QLCN2411	010100073701	31	33-63	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm	5	26/11/2026	13h30	C303	Nguyễn Thị Diễm Phúc	
380	KHMT2411	010100188501	24	1-24	Lập trình di động	5	26/11/2026	13h30	Phòng máy 5	Võ Thanh Vinh	PM
381	KHMT2411	010100188501	24	25-48	Lập trình di động	5	26/11/2026	13h30	Phòng máy 6	Võ Thanh Vinh	PM
382	KHMT2411	010100188501	24	49-72	Lập trình di động	5	26/11/2026	13h30	Phòng máy 9	Võ Thanh Vinh	PM
383	CNCD2411	010100213801	34	1-34	Dung sai và kỹ thuật đo	5	26/11/2026	13h30	Phòng máy 2	Nguyễn Minh Thư	PM
384	CNCD2411	010100213801	32	35-66	Dung sai và kỹ thuật đo	5	26/11/2026	13h30	Phòng máy 7	Nguyễn Minh Thư	PM
385	CNSH2511	010100218901	25	1-25	Sinh học đại cương A2	5	26/11/2026	13h30	C301	Nguyễn Ngọc Trang Thùy	
386	CNSH2511	010100218901	24	26-49	Sinh học đại cương A2	5	26/11/2026	13h30	C302	Nguyễn Ngọc Trang Thùy	
387	NGNA2611	010100264301	23	1-23	Ngữ âm thực hành 1	5	26/11/2026	13h30	C201	Lê Kinh Quốc	
388	NGNA2611	010100264301	23	24-46	Ngữ âm thực hành 1	5	26/11/2026	13h30	C202	Lê Kinh Quốc	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
389	NGNA2611	010100264302	45		Ngữ âm thực hành 1	5	26/11/2026	13h30	C206	Lê Kinh Quốc	
390	KTPM2311	010100138601	38	1-38	Kiểm thử phần mềm	5	26/11/2026	15h30	C305	Nguyễn Bá Duy	
391	KTPM2311	010100138601	37	39-75	Kiểm thử phần mềm	5	26/11/2026	15h30	C306	Nguyễn Bá Duy	
392	KHDL2611	010100229101	26	1-26	Nhập môn khoa học dữ liệu	5	26/11/2026	15h30	Phòng máy 3	Lâm Thanh Toàn	PM
393	KHDL2611	010100229101	26	27-52	Nhập môn khoa học dữ liệu	5	26/11/2026	15h30	Phòng máy 5	Lâm Thanh Toàn	PM
394	KHDL2611	010100229101	25	53-77	Nhập môn khoa học dữ liệu	5	26/11/2026	15h30	Phòng máy 6	Lâm Thanh Toàn	PM
395	KTPM2411	010100233601	42	1-42	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5	26/11/2026	15h30	C109	Phạm Thị Huệ	
396	KTPM2411	010100233601	42	43-84	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5	26/11/2026	15h30	C108	Phạm Thị Huệ	
397	LQCC2411	010100234601	24	1-24	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	5	26/11/2026	15h30	C301	Trần Thiện Quỳnh Trân	
398	LQCC2411	010100234601	24	25-48	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	5	26/11/2026	15h30	C302	Trần Thiện Quỳnh Trân	
399	LQCC2411	010100234602	25	1-25	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	5	26/11/2026	15h30	C401	Trần Thiện Quỳnh Trân	
400	LQCC2411	010100234602	25	26-50	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	5	26/11/2026	15h30	C402	Trần Thiện Quỳnh Trân	
401	CNTT2611	010100239701	35	1-35	Ngôn ngữ lập trình 3	5	26/11/2026	15h30	C406	Nguyễn Xuân Hà Giang	
402	CNTT2611	010100239701	35	36-70	Ngôn ngữ lập trình 3	5	26/11/2026	15h30	C505	Nguyễn Xuân Hà Giang	
403	CNTT2611	010100239701	35	71-105	Ngôn ngữ lập trình 3	5	26/11/2026	15h30	C506	Nguyễn Xuân Hà Giang	
404	NGNA2611	010100246801	31	1-31	Đọc 1	5	26/11/2026	15h30	C201	Vũ Thúy Đan	
405	NGNA2611	010100246801	30	32-61	Đọc 1	5	26/11/2026	15h30	C202	Vũ Thúy Đan	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
406	NGNA2611	010100246801	30	62-91	Đọc 1	5	26/11/2026	15h30	C203	Vũ Thúy Đan	
407	LUAT0121	010100053401	9		Văn bản và lưu trữ đại cương	6	27/11/2026	7h30	C203	Tô Kim Dung	GHEP C202
408	CNTP2411	010100086501	23	1-23	Công nghệ chế biến thực phẩm	6	27/11/2026	7h30	C201	Nguyễn Xuân Hồng, Trần Thị Minh Thư	
409	CNTP2411	010100086501	23	24-46	Công nghệ chế biến thực phẩm	6	27/11/2026	7h30	C202	Nguyễn Xuân Hồng, Trần Thị Minh Thư	
410	CNTP2411	010100086502	24	1-24	Công nghệ chế biến thực phẩm	6	27/11/2026	7h30	C301	Nguyễn Xuân Hồng, Trần Thị Minh Thư	
411	CNTP2411	010100086502	23	25-47	Công nghệ chế biến thực phẩm	6	27/11/2026	7h30	C302	Nguyễn Xuân Hồng, Trần Thị Minh Thư	
412	HTTT2211	010100093601	30	1-30	Hệ cơ sở dữ liệu đa phương tiện	6	27/11/2026	7h30	C401	Nguyễn Văn Chí	
413	HTTT2211	010100093601	29	31-59	Hệ cơ sở dữ liệu đa phương tiện	6	27/11/2026	7h30	C402	Nguyễn Văn Chí	
414	CNCD2411	010100144001	33	1-33	Điều khiển thông minh	6	27/11/2026	7h30	C205	Nguyễn Đình Tứ	
415	CNCD2411	010100144001	33	34-66	Điều khiển thông minh	6	27/11/2026	7h30	C206	Nguyễn Đình Tứ	
416	KHMT2411	010100229601	35	1-35	Thu thập và tiền xử lý dữ liệu	6	27/11/2026	7h30	Phòng máy 2	Lâm Thanh Toán	PM
417	KHMT2411	010100229601	35	36-70	Thu thập và tiền xử lý dữ liệu	6	27/11/2026	7h30	Phòng máy 7	Lâm Thanh Toán	PM
418	CNTT2511	010100231801	25	1-25	Giải thuật	6	27/11/2026	7h30	Phòng máy 3	Phạm Yến Nhi	PM
419	CNTT2511	010100231801	25	26-50	Giải thuật	6	27/11/2026	7h30	Phòng máy 4	Phạm Yến Nhi	PM
420	CNTT2511	010100231801	25	51-75	Giải thuật	6	27/11/2026	7h30	Phòng máy 5	Phạm Yến Nhi	PM
421	CNTT2511	010100231801	24	76-99	Giải thuật	6	27/11/2026	7h30	Phòng máy 6	Phạm Yến Nhi	PM
422	CNTT2611	010100239601	35	1-35	Nhập môn Công nghệ thông tin	6	27/11/2026	7h30	C305	Hồng Thanh Luận	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
423	CNTT2611	010100239601	35	36-70	Nhập môn Công nghệ thông tin	6	27/11/2026	7h30	C306	Hồng Thanh Luận	
424	CNTT2611	010100239601	35	71-105	Nhập môn Công nghệ thông tin	6	27/11/2026	7h30	C406	Hồng Thanh Luận	
425	HTTT2611	010100057201	32	1-32	Tin học đại cương	6	27/11/2026	9h30	Phòng máy 2	Nguyễn Văn Cường	PM
426	HTTT2611	010100057201	31	33-73	Tin học đại cương	6	27/11/2026	9h30	Phòng máy 7	Nguyễn Văn Cường	PM
427	LQCC2611	010100243201	29	1-29	Nhập môn ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	6	27/11/2026	9h30	Phòng máy 1	Ngô Hồng Ngọc	PM
428	LQCC2611	010100243201	28	30-57	Nhập môn ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	6	27/11/2026	9h30	Phòng máy 3	Ngô Hồng Ngọc	PM
429	LQCC2611	010100243201	28	58-85	Nhập môn ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	6	27/11/2026	9h30	Phòng máy 4	Ngô Hồng Ngọc	PM
430	LQCC2611	010100243201	28	86-113	Nhập môn ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	6	27/11/2026	9h30	Phòng máy 5	Ngô Hồng Ngọc	PM
431	KETO2611	010100246701	44	1-44	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	6	27/11/2026	9h30	C208	Trần Thị Diệp Anh Thư	
432	KETO2611	010100246701	44	45-88	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	6	27/11/2026	9h30	C209	Trần Thị Diệp Anh Thư	
433	QTKD2611	010100246702	40	1-40	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	6	27/11/2026	9h30	C406	Lê Tú Anh	
434	QTKD2611	010100246702	39	41-79	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	6	27/11/2026	9h30	C505	Lê Tú Anh	
435	QTKD2611	010100246702	39	80-118	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	6	27/11/2026	9h30	C506	Lê Tú Anh	
436	TCNH2611	010100246703	42	1-42	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	6	27/11/2026	9h30	C305	Hồ Phạm Thanh Lan, Trần Long Hải	
437	TCNH2611	010100246703	42	43-84	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	6	27/11/2026	9h30	C306	Hồ Phạm Thanh Lan, Trần Long Hải	
438	LUAT2611	010100247101	44	1-44	Lý luận nhà nước và pháp luật	6	27/11/2026	9h30	C108	Trần Thị Như Tâm	
439	LUAT2611	010100247101	44	45-88	Lý luận nhà nước và pháp luật	6	27/11/2026	9h30	C109	Trần Thị Như Tâm	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
440	CNTP2611	010100306301	35	1-35	Pháp luật đại cương và quyền con người	6	27/11/2026	9h30	C105	Ngô Thị Mỹ Hạnh, Nguyễn Bình Trọng	
441	CNTP2611	010100306301	35	36-70	Pháp luật đại cương và quyền con người	6	27/11/2026	9h30	C205	Ngô Thị Mỹ Hạnh, Nguyễn Bình Trọng	
442	CNTP2611	010100306301	35	71-105	Pháp luật đại cương và quyền con người	6	27/11/2026	9h30	C206	Ngô Thị Mỹ Hạnh, Nguyễn Bình Trọng	
443	KTNL2411	010100078801	49		Điện tử công suất	6	27/11/2026	13h30	C206	Quách Ngọc Thịnh	
444	KHMT2211	010100138901	42		Lập trình mô phỏng	6	27/11/2026	13h30	C205	Nguyễn Văn Chí	
445	KHDL2311	010100138902	24	1-24	Lập trình mô phỏng	6	27/11/2026	13h30	C501	Nguyễn Văn Chí	
446	KHDL2311	010100138902	24	25-48	Lập trình mô phỏng	6	27/11/2026	13h30	C502	Nguyễn Văn Chí	
447	CNHH2611	010100246201	28	1-28	Những nguyên lý hóa học cơ bản	6	27/11/2026	13h30	C401	Vi Nhã Trân	
448	CNHH2611	010100246201	28	29-56	Những nguyên lý hóa học cơ bản	6	27/11/2026	13h30	C402	Vi Nhã Trân	
449	KTNL2611	010100246601	28	1-28	Nhập môn kỹ thuật năng lượng	6	27/11/2026	13h30	C505	Huỳnh Văn Phú	
450	KTNL2611	010100246601	27	29-55	Nhập môn kỹ thuật năng lượng	6	27/11/2026	13h30	C506	Huỳnh Văn Phú	
451	KTPM2211	010100253301	40	1-40	Phát triển ứng dụng IoT	6	27/11/2026	13h30	C305	Nguyễn Đình Tứ	
452	KTPM2211	010100253301	40	41-80	Phát triển ứng dụng IoT	6	27/11/2026	13h30	C306	Nguyễn Đình Tứ	
453	CNTT2311	010100253302	31	1-31	Phát triển ứng dụng IoT	6	27/11/2026	13h30	C301	Nguyễn Đình Tứ	
454	CNTT2311	010100253302	31	32-62	Phát triển ứng dụng IoT	6	27/11/2026	13h30	C302	Nguyễn Đình Tứ	
455	CNTT2311	010100253302	30	63-92	Phát triển ứng dụng IoT	6	27/11/2026	13h30	C303	Nguyễn Đình Tứ	
456	HTTT2311	010100253303	31	1-31	Phát triển ứng dụng IoT	6	27/11/2026	13h30	C201	Nguyễn Đình Tứ	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
457	HTTT2311	010100253303	30	32-61	Phát triển ứng dụng IoT	6	27/11/2026	13h30	C202	Nguyễn Đình Tứ	
458	CNTT2411	010100088901	32	1-32	Toán rời rạc	6	27/11/2026	15h30	C301	Nguyễn Chí Tâm	
459	CNTT2411	010100088901	32	33-64	Toán rời rạc	6	27/11/2026	15h30	C302	Nguyễn Chí Tâm	
460	CNTT2411	010100088901	32	65-96	Toán rời rạc	6	27/11/2026	15h30	C303	Nguyễn Chí Tâm	
461	CNDD2412	010100088902	41		Toán rời rạc	6	27/11/2026	15h30	C209	Nguyễn Chí Tâm	
462	CNTT2511	010100088903	33	1-33	Toán rời rạc	6	27/11/2026	15h30	C205	Nguyễn Chí Tâm	
463	CNTT2511	010100088903	33	34-66	Toán rời rạc	6	27/11/2026	15h30	C206	Nguyễn Chí Tâm	
464	CNTT2511	010100088903	33	67-99	Toán rời rạc	6	27/11/2026	15h30	C306	Nguyễn Chí Tâm	
465	CNTP2311	010100199301	39		Sản xuất sạch hơn	6	27/11/2026	15h30	C108	Đoàn Thị Kiều Tiên, Trần Hoàng Hiệp	
466	CNTP2311	010100199302	39		Sản xuất sạch hơn	6	27/11/2026	15h30	C109	Đoàn Thị Kiều Tiên, Trần Hoàng Hiệp	
467	CNSH2611	010100214901	31	1-31	Hóa học 2	6	27/11/2026	15h30	C501	Nguyễn Thị Như Ý	
468	CNSH2611	010100214901	30	32-61	Hóa học 2	6	27/11/2026	15h30	C502	Nguyễn Thị Như Ý	
469	KTHC2511	010100214902	30	1-30	Hóa học 2	6	27/11/2026	15h30	C401	Trần Bá Luân	
470	KTHC2511	010100214902	29	31-59	Hóa học 2	6	27/11/2026	15h30	C402	Trần Bá Luân	
471	QLCN2311	010100245301	33	1-33	Quản lý chất lượng hệ thống	6	27/11/2026	15h30	Phòng máy 2	Đinh Thị Kiều Oanh	PM
472	QLCN2311	010100245301	28	34-61	Quản lý chất lượng hệ thống	6	27/11/2026	15h30	Phòng máy 1	Đinh Thị Kiều Oanh	PM
473	QTKD2411	010100268301	32	1-32	Quản trị tài chính doanh nghiệp	6	27/11/2026	15h30	C201	Lê Tú Anh	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
474	QTKD2411	010100268301	32	33-64	Quản trị tài chính doanh nghiệp	6	27/11/2026	15h30	C202	Lê Tú Anh	
475	QTKD2411	010100268301	32	65-96	Quản trị tài chính doanh nghiệp	6	27/11/2026	15h30	C203	Lê Tú Anh	
476	KHDL2511	010100073201	33	1-33	Phương pháp nghiên cứu khoa học	7	28/11/2026	7h30	C201	Ngô Khắc Không Minh	
477	KHDL2511	010100073201	33	34-66	Phương pháp nghiên cứu khoa học	7	28/11/2026	7h30	C202	Ngô Khắc Không Minh	
478	KHMT2511	010100073202	39	1-39	Phương pháp nghiên cứu khoa học	7	28/11/2026	7h30	C208	Nguyễn Thị Ngọc Anh	
479	KHMT2511	010100073202	39	40-78	Phương pháp nghiên cứu khoa học	7	28/11/2026	7h30	C209	Nguyễn Thị Ngọc Anh	
480	CNSH2411	010100073203	27	1-27	Phương pháp nghiên cứu khoa học	7	28/11/2026	7h30	C301	Hứa Văn Ủ, Nguyễn Cao Quan Bình	
481	CNSH2411	010100073203	26	28-53	Phương pháp nghiên cứu khoa học	7	28/11/2026	7h30	C302	Hứa Văn Ủ, Nguyễn Cao Quan Bình	
482	KTPM2511	010100073204	39	1-39	Phương pháp nghiên cứu khoa học	7	28/11/2026	7h30	C108	Nguyễn Đăng Hoa Nghiêm	
483	KTPM2511	010100073204	39	40-78	Phương pháp nghiên cứu khoa học	7	28/11/2026	7h30	C109	Nguyễn Đăng Hoa Nghiêm	
484	CNSH2511	010100073205	26	1-26	Phương pháp nghiên cứu khoa học	7	28/11/2026	7h30	C502	Đinh Hoàng Lan Chi	
485	CNSH2511	010100073205	26	27-52	Phương pháp nghiên cứu khoa học	7	28/11/2026	7h30	C503	Đinh Hoàng Lan Chi	
486	CNDD2511	010100073206	37	1-37	Phương pháp nghiên cứu khoa học	7	28/11/2026	7h30	C305	Nguyễn Lâm Thùy Dương	
487	CNDD2511	010100073206	37	38-74	Phương pháp nghiên cứu khoa học	7	28/11/2026	7h30	C406	Nguyễn Lâm Thùy Dương	
488	KTNL2511	010100073208	45		Phương pháp nghiên cứu khoa học	7	28/11/2026	7h30	C206	Trần Quốc Dũng	
489	CNDD2512	010100073211	38		Phương pháp nghiên cứu khoa học	7	28/11/2026	7h30	C205	Nguyễn Lâm Thùy Dương	
490	QLCN2511	010100073601	35	1-35	Kinh tế học đại cương	7	28/11/2026	9h30	C207	Lê Thị Thanh Hiếu	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
491	QLCN2511	010100073601	35	36-70	Kinh tế học đại cương	7	28/11/2026	9h30	C505	Lê Thị Thanh Hiếu	
492	KTHC2511	010100073602	31	1-31	Kinh tế học đại cương	7	28/11/2026	9h30	C201	Ngô Anh Tuấn	
493	KTHC2511	010100073602	30	32-61	Kinh tế học đại cương	7	28/11/2026	9h30	C202	Ngô Anh Tuấn	
494	CNTT2211	010100090101	38	1-38	Cơ sở dữ liệu phân tán	7	28/11/2026	9h30	C305	Nguyễn Đình Ngọc	
495	CNTT2211	010100090101	38	39-76	Cơ sở dữ liệu phân tán	7	28/11/2026	9h30	C406	Nguyễn Đình Ngọc	
496	QLCN2311	010100146601	30	1-30	Kế toán quản trị	7	28/11/2026	9h30	C301	Nguyễn Thị Ngọc Thứ	
497	QLCN2311	010100146601	29	31-59	Kế toán quản trị	7	28/11/2026	9h30	C302	Nguyễn Thị Ngọc Thứ	
498	KETO2611	010100233312	38	1-38	Triết học Mác - Lênin	7	28/11/2026	9h30	C108	Lê Ngọc Triết	
499	KETO2611	010100233312	38	115-152	Triết học Mác - Lênin	7	28/11/2026	9h30	C208	Lê Ngọc Triết	
500	KETO2611	010100233312	38	39-76	Triết học Mác - Lênin	7	28/11/2026	9h30	C109	Lê Ngọc Triết	
501	KETO2611	010100233312	38	77-114	Triết học Mác - Lênin	7	28/11/2026	9h30	C209	Lê Ngọc Triết	
502	QTKD2611	010100233316	39	1-39	Triết học Mác - Lênin	7	28/11/2026	9h30	C205	Lê Ngọc Triết	
503	QTKD2611	010100233316	39	40-78	Triết học Mác - Lênin	7	28/11/2026	9h30	C206	Lê Ngọc Triết	
504	QTKD2611	010100233316	39	79-117	Triết học Mác - Lênin	7	28/11/2026	9h30	C105	Lê Ngọc Triết	
505	KTPM2411	010100089001	41	1-41	Kiến trúc máy tính	7	28/11/2026	13h30	C205	Hồng Thanh Luận	
506	KTPM2411	010100089001	40	42-81	Kiến trúc máy tính	7	28/11/2026	13h30	C206	Hồng Thanh Luận	
507	LQCC2311	010100235401	43	1-43	Giao nhận hàng hóa	7	28/11/2026	13h30	C209	Nguyễn Thị Phương Thảo	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
508	LQCC2311	010100235401	43	44-86	Giao nhận hàng hóa	7	28/11/2026	13h30	C208	Nguyễn Thị Phương Thảo	
509	KTNL2311	010100252301	28	1-28	Xử lý tín hiệu số	7	28/11/2026	13h30	C201	Dương Ngọc Đoàn	
510	KTNL2311	010100252301	27	29-55	Xử lý tín hiệu số	7	28/11/2026	13h30	C202	Dương Ngọc Đoàn	
511	CNHH2411	010100278601	24	1-24	Quá trình và thiết bị Truyền khối	7	28/11/2026	13h30	C301	Trần Thị Thùy Linh, Vi Nhã Trân	
512	CNHH2411	010100278601	24	25-48	Quá trình và thiết bị Truyền khối	7	28/11/2026	13h30	C302	Trần Thị Thùy Linh, Vi Nhã Trân	
513	KHMT2311	010100092201	35	1-35	Hệ thống thông tin địa lý	7	28/11/2026	15h30	Phòng máy 2	Nguyễn Tấn Sang, Phạm Yến Nhi	PM
514	KHMT2311	010100092201	29	36-64	Hệ thống thông tin địa lý	7	28/11/2026	15h30	Phòng máy 1	Nguyễn Tấn Sang, Phạm Yến Nhi	PM
515	HTTT2411	010100092202	23	1-23	Hệ thống thông tin địa lý	7	28/11/2026	15h30	Phòng máy 3	Nguyễn Thúy Anh	PM
516	HTTT2411	010100092202	22	24-45	Hệ thống thông tin địa lý	7	28/11/2026	15h30	Phòng máy 4	Nguyễn Thúy Anh	PM
517	HTTT2411	010100092202	22	46-67	Hệ thống thông tin địa lý	7	28/11/2026	15h30	Phòng máy 5	Nguyễn Thúy Anh	PM
518	KHDL2411	010100092203	33	1-33	Hệ thống thông tin địa lý	7	28/11/2026	15h30	Phòng máy 7	Nguyễn Thúy Anh	PM
519	KHDL2411	010100092203	28	34-61	Hệ thống thông tin địa lý	7	28/11/2026	15h30	Phòng máy 6	Nguyễn Thúy Anh	PM
520	CNDT2511	010100054701	44	1-44	Đại số tuyến tính	2	30/11/2026	7h30	C107	Bùi Tiến Đạt	
521	CNDT2511	010100054701	43	45-87	Đại số tuyến tính	2	30/11/2026	7h30	C108	Bùi Tiến Đạt	
522	KETO2611	010100054704	43	1-43	Đại số tuyến tính	2	30/11/2026	7h30	C105	Nguyễn Đăng Hoa Nghiêm	
523	KETO2611	010100054704	43	44-86	Đại số tuyến tính	2	30/11/2026	7h30	C106	Nguyễn Đăng Hoa Nghiêm	
524	KTHC2611	010100054705	34	1-34	Đại số tuyến tính	2	30/11/2026	7h30	C405	Bùi Tiến Đạt	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
525	KTHC2611	010100054705	33	35-67	Đại số tuyến tính	2	30/11/2026	7h30	C401	Bùi Tiến Đạt	
526	LQCC2611	010100054706	38	1-38	Đại số tuyến tính	2	30/11/2026	7h30	C209	Bùi Tiến Đạt	
527	LQCC2611	010100054706	38	39-76	Đại số tuyến tính	2	30/11/2026	7h30	C208	Bùi Tiến Đạt	
528	LQCC2611	010100054706	37	77-113	Đại số tuyến tính	2	30/11/2026	7h30	C207	Bùi Tiến Đạt	
529	QLCN2611	010100054707	40	1-40	Đại số tuyến tính	2	30/11/2026	7h30	C505	Nguyễn Đăng Hoa Nghiêm	
530	QLCN2611	010100054707	39	41-79	Đại số tuyến tính	2	30/11/2026	7h30	C506	Nguyễn Đăng Hoa Nghiêm	
531	QLXD2611	010100054710	40	1-40	Đại số tuyến tính	2	30/11/2026	7h30	C305	Bùi Tiến Đạt	
532	QLXD2611	010100054710	40	41-80	Đại số tuyến tính	2	30/11/2026	7h30	C306	Bùi Tiến Đạt	
533	KTPM2311	010100138501	37	1-37	Bảo trì phần mềm	2	30/11/2026	7h30	C109	Đặng Văn Đăng Khoa, Nguyễn Xuân Hà Giang	
534	KTPM2311	010100138501	37	38-74	Bảo trì phần mềm	2	30/11/2026	7h30	C406	Đặng Văn Đăng Khoa, Nguyễn Xuân Hà Giang	
535	KTPM2411	010100138502	41	1-41	Bảo trì phần mềm	2	30/11/2026	7h30	C205	Đặng Văn Đăng Khoa, Nguyễn Xuân Hà Giang, Phan Văn Nam	
536	KTPM2411	010100138502	40	42-81	Bảo trì phần mềm	2	30/11/2026	7h30	C206	Đặng Văn Đăng Khoa, Nguyễn Xuân Hà Giang, Phan Văn Nam	
537	KTPM2611	010100054702	41	1-41	Đại số tuyến tính	2	30/11/2026	9h30	C305	Trần Thị Hồng Nga	
538	KTPM2611	010100054702	41	42-82	Đại số tuyến tính	2	30/11/2026	9h30	C306	Trần Thị Hồng Nga	
539	KHMT2611	010100054703	43	1-43	Đại số tuyến tính	2	30/11/2026	9h30	C105	Trần Thị Hồng Nga	
540	KHMT2611	010100054703	43	44-86	Đại số tuyến tính	2	30/11/2026	9h30	C106	Trần Thị Hồng Nga	
541	QTKD2611	010100054708	39	1-39	Đại số tuyến tính	2	30/11/2026	9h30	C109	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
542	QTKD2611	010100054708	39	40-78	Đại số tuyến tính	2	30/11/2026	9h30	C108	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	
543	QTKD2611	010100054708	39	79-117	Đại số tuyến tính	2	30/11/2026	9h30	C107	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	
544	TCNH2611	010100054709	42	1-42	Đại số tuyến tính	2	30/11/2026	9h30	C205	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	
545	TCNH2611	010100054709	41	43-83	Đại số tuyến tính	2	30/11/2026	9h30	C206	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	
546	HTTT2511	010100054711	36	1-36	Đại số tuyến tính	2	30/11/2026	9h30	C209	Trần Thị Hồng Nga	
547	HTTT2511	010100054711	35	37-71	Đại số tuyến tính	2	30/11/2026	9h30	C208	Trần Thị Hồng Nga	
548	CNXD2611	010100054712	39	1-39	Đại số tuyến tính	2	30/11/2026	9h30	C505	Trần Thị Hồng Nga	
549	CNXD2611	010100054712	38	40-77	Đại số tuyến tính	2	30/11/2026	9h30	C506	Trần Thị Hồng Nga	
550	KHDL2211	010100092701	23	1-23	Xử lý ảnh và thị giác máy tính	2	30/11/2026	9h30	C201	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	
551	KHDL2211	010100092701	23	24-46	Xử lý ảnh và thị giác máy tính	2	30/11/2026	9h30	C202	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	
552	NGNA2611	010100246901	23	1-23	Nghe - Nói 1	2	30/11/2026	9h30	C101	Trần Thị Cẩm Nang	
553	NGNA2611	010100246901	23	24-46	Nghe - Nói 1	2	30/11/2026	9h30	C102	Trần Thị Cẩm Nang	
554	NGNA2611	010100246902	45		Nghe - Nói 1	2	30/11/2026	9h30	C603 Giảng Đường C	Trần Thị Cẩm Nang	
555	CNTP2511	010100054301	43		Sinh học đại cương	2	30/11/2026	13h30	C105	Nguyễn Ngọc Trang Thủy, Trần Hoàng Hiệp	
556	CNTP2511	010100054302	24	1-24	Sinh học đại cương	2	30/11/2026	13h30	Phòng máy 3	Trần Hoàng Hiệp, Trương Huỳnh Thanh Hoa	PM
557	CNTP2511	010100054302	24	25-48	Sinh học đại cương	2	30/11/2026	13h30	Phòng máy 4	Trần Hoàng Hiệp, Trương Huỳnh Thanh Hoa	PM
558	KTPM2511	010100170002	39	1-39	Giải tích 2	2	30/11/2026	13h30	C205	Lý Hồng Hải	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
559	KTPM2511	010100170002	39	40-78	Giải tích 2	2	30/11/2026	13h30	C206	Lý Hồng Hải	
560	KHMT2511	010100170003	39	1-39	Giải tích 2	2	30/11/2026	13h30	C305	Lý Hồng Hải	
561	KHMT2511	010100170003	39	40-78	Giải tích 2	2	30/11/2026	13h30	C306	Lý Hồng Hải	
562	LQCC2511	010100170004	33	1-33	Giải tích 2	2	30/11/2026	13h30	C405	Nguyễn Chí Tâm	
563	LQCC2511	010100170004	33	34-66	Giải tích 2	2	30/11/2026	13h30	C406	Nguyễn Chí Tâm	
564	LQCC2511	010100170004	32	67-98	Giải tích 2	2	30/11/2026	13h30	C506	Nguyễn Chí Tâm	
565	CNXD2511	010100170005	38	1-38	Giải tích 2	2	30/11/2026	13h30	C109	Trần Thị Hồng Nga	
566	CNXD2511	010100170005	37	39-75	Giải tích 2	2	30/11/2026	13h30	C108	Trần Thị Hồng Nga	
567	QLXD2511	010100170006	37	1-37	Giải tích 2	2	30/11/2026	13h30	C209	Trần Thị Hồng Nga	
568	QLXD2511	010100170006	37	38-74	Giải tích 2	2	30/11/2026	13h30	C208	Trần Thị Hồng Nga	
569	CNCD2611	010100169901	39	1-39	Giải tích 1	2	30/11/2026	15h30	C305	Nguyễn Thị Ngọc Như	
570	CNCD2611	010100169901	39	40-78	Giải tích 1	2	30/11/2026	15h30	C306	Nguyễn Thị Ngọc Như	
571	CNDT2611	010100169902	33	1-33	Giải tích 1	2	30/11/2026	15h30	C405	Nguyễn Ngọc Đăng Duy	
572	CNDT2611	010100169902	33	34-66	Giải tích 1	2	30/11/2026	15h30	C406	Nguyễn Ngọc Đăng Duy	
573	CNDT2611	010100169902	32	67-98	Giải tích 1	2	30/11/2026	15h30	C402	Nguyễn Ngọc Đăng Duy	
574	CNSH2611	010100169903	33	1-33	Giải tích 1	2	30/11/2026	15h30	C301	Nguyễn Thị Ngọc Như	
575	CNSH2611	010100169903	33	34-66	Giải tích 1	2	30/11/2026	15h30	C302	Nguyễn Thị Ngọc Như	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
576	CNHH2611	010100169904	29	1-29	Giải tích 1	2	30/11/2026	15h30	C102	Nguyễn Thị Ngọc Như	
577	CNHH2611	010100169904	29	30-58	Giải tích 1	2	30/11/2026	15h30	C103	Nguyễn Thị Ngọc Như	
578	CNDD2611	010100169905	42	1-42	Giải tích 1	2	30/11/2026	15h30	C209	Nguyễn Chí Tâm	
579	CNDD2611	010100169905	42	43-84	Giải tích 1	2	30/11/2026	15h30	C208	Nguyễn Chí Tâm	
580	CNDD2611	010100169905	41	85-125	Giải tích 1	2	30/11/2026	15h30	C207	Nguyễn Chí Tâm	
581	KTNL2611	010100169906	29	1-29	Giải tích 1	2	30/11/2026	15h30	C201	Nguyễn Thị Ngọc Như	
582	KTNL2611	010100169906	29	30-58	Giải tích 1	2	30/11/2026	15h30	C202	Nguyễn Thị Ngọc Như	
583	CNTP2611	010100169907	35	1-35	Giải tích 1	2	30/11/2026	15h30	C205	Nguyễn Ngọc Đăng Duy	
584	CNTP2611	010100169907	35	36-70	Giải tích 1	2	30/11/2026	15h30	C206	Nguyễn Ngọc Đăng Duy	
585	CNTP2611	010100169907	35	71-105	Giải tích 1	2	30/11/2026	15h30	C105	Nguyễn Ngọc Đăng Duy	
586	CNDD2511	010100053801	39	1-39	Vật lý 1	3	01/12/2026	7h30	C505	Lương Văn Thông	
587	CNDD2511	010100053801	38	40-77	Vật lý 1	3	01/12/2026	7h30	C506	Lương Văn Thông	
588	CNHH2611	010100053802	28	1-28	Vật lý 1	3	01/12/2026	7h30	C102	Nguyễn Lâm Thùy Dương	
589	CNHH2611	010100053802	28	29-56	Vật lý 1	3	01/12/2026	7h30	C103	Nguyễn Lâm Thùy Dương	
590	KTNL2511	010100053803	28	1-28	Vật lý 1	3	01/12/2026	7h30	C201	Lương Văn Thông	
591	KTNL2511	010100053803	28	29-56	Vật lý 1	3	01/12/2026	7h30	C202	Lương Văn Thông	
592	KTHC2611	010100053804	33	1-33	Vật lý 1	3	01/12/2026	7h30	C405	Trần Thị Như Băng	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
593	KTHC2611	010100053804	33	34-66	Vật lý 1	3	01/12/2026	7h30	C406	Trần Thị Như Băng	
594	QLXD2611	010100053805	40	1-40	Vật lý 1	3	01/12/2026	7h30	C305	Nguyễn Lâm Thùy Dương	
595	QLXD2611	010100053805	40	41-80	Vật lý 1	3	01/12/2026	7h30	C306	Nguyễn Lâm Thùy Dương	
596	CNDD2512	010100053806	42		Vật lý 1	3	01/12/2026	7h30	C105	Trần Thị Như Băng	
597	CNXD2611	010100053807	39	1-39	Vật lý 1	3	01/12/2026	7h30	C205	Nguyễn Trúc Anh	
598	CNXD2611	010100053807	38	40-77	Vật lý 1	3	01/12/2026	7h30	C206	Nguyễn Trúc Anh	
599	KTPM2611	010100239403	28	1-28	Ngôn ngữ lập trình 1	3	01/12/2026	7h30	Phòng máy 4	Phạm Thị Thùy Linh	PM
600	KTPM2611	010100239403	28	29-56	Ngôn ngữ lập trình 1	3	01/12/2026	7h30	Phòng máy 5	Phạm Thị Thùy Linh	PM
601	KTPM2611	010100239403	28	57-84	Ngôn ngữ lập trình 1	3	01/12/2026	7h30	Phòng máy 6	Phạm Thị Thùy Linh	PM
602	KHMT2611	010100239404	29	1-29	Ngôn ngữ lập trình 1	3	01/12/2026	7h30	Phòng máy 2	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	PM
603	KHMT2611	010100239404	28	30-57	Ngôn ngữ lập trình 1	3	01/12/2026	7h30	Phòng máy 1	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	PM
604	KHMT2611	010100239404	28	58-85	Ngôn ngữ lập trình 1	3	01/12/2026	7h30	Phòng máy 3	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	PM
605	LQCC2511	010100053501	34	1-34	Kỹ năng giao tiếp	3	01/12/2026	9h30	C105	Lê Thị Thơ, Nguyễn Minh Tuấn	
606	LQCC2511	010100053501	33	35-67	Kỹ năng giao tiếp	3	01/12/2026	9h30	C106	Lê Thị Thơ, Nguyễn Minh Tuấn	
607	LQCC2511	010100053501	33	68-100	Kỹ năng giao tiếp	3	01/12/2026	9h30	C206	Lê Thị Thơ, Nguyễn Minh Tuấn	
608	CNSH2511	010100083101	26	1-26	Hóa phân tích	3	01/12/2026	9h30	C102	Nguyễn Thị Yến Nhi	
609	CNSH2511	010100083101	25	27-51	Hóa phân tích	3	01/12/2026	9h30	C103	Nguyễn Thị Yến Nhi	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
610	CNTT2511	010100239401	35	1-35	Ngôn ngữ lập trình 1	3	01/12/2026	9h30	Phòng máy 2	Nguyễn Duy Khương	PM
611	CNTT2511	010100239401	35	36-70	Ngôn ngữ lập trình 1	3	01/12/2026	9h30	Phòng máy 7	Nguyễn Duy Khương	PM
612	CNTT2511	010100239401	29	71-99	Ngôn ngữ lập trình 1	3	01/12/2026	9h30	Phòng máy 1	Nguyễn Duy Khương	PM
613	KHDL2611	010100239402	26	1-26	Ngôn ngữ lập trình 1	3	01/12/2026	9h30	Phòng máy 3	Nguyễn Duy Khương	PM
614	KHDL2611	010100239402	26	27-52	Ngôn ngữ lập trình 1	3	01/12/2026	9h30	Phòng máy 4	Nguyễn Duy Khương	PM
615	KHDL2611	010100239402	25	53-77	Ngôn ngữ lập trình 1	3	01/12/2026	9h30	Phòng máy 5	Nguyễn Duy Khương	PM
616	CNSH2411	010100073401	28	1-28	Quản trị học đại cương	3	01/12/2026	13h30	C102	Nguyễn Lê Hoa Tuyết	
617	CNSH2411	010100073401	27	29-55	Quản trị học đại cương	3	01/12/2026	13h30	C103	Nguyễn Lê Hoa Tuyết	
618	KETO2611	010100073402	31	1-31	Quản trị học đại cương	3	01/12/2026	13h30	Phòng máy 2	Nguyễn Bích Ngọc	PM
619	KETO2611	010100073402	28	32-59	Quản trị học đại cương	3	01/12/2026	13h30	Phòng máy 3	Nguyễn Bích Ngọc	PM
620	KETO2611	010100073402	28	60-87	Quản trị học đại cương	3	01/12/2026	13h30	Phòng máy 4	Nguyễn Bích Ngọc	PM
621	LQCC2611	010100073403	38	1-38	Quản trị học đại cương	3	01/12/2026	13h30	C209	Nguyễn Thị Phương Thảo	
622	LQCC2611	010100073403	38	39-76	Quản trị học đại cương	3	01/12/2026	13h30	C208	Nguyễn Thị Phương Thảo	
623	LQCC2611	010100073403	37	77-113	Quản trị học đại cương	3	01/12/2026	13h30	C207	Nguyễn Thị Phương Thảo	
624	QLCN2611	010100073404	39	1-39	Quản trị học đại cương	3	01/12/2026	13h30	C305	Lê Thị Nhã Ca	
625	QLCN2611	010100073404	38	40-77	Quản trị học đại cương	3	01/12/2026	13h30	C306	Lê Thị Nhã Ca	
626	QTKD2611	010100073405	39	1-39	Quản trị học đại cương	3	01/12/2026	13h30	C109	Nguyễn Huỳnh Phước Thiện	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
627	QTKD2611	010100073405	39	40-78	Quản trị học đại cương	3	01/12/2026	13h30	C108	Nguyễn Huỳnh Phước Thiện	
628	QTKD2611	010100073405	39	79-117	Quản trị học đại cương	3	01/12/2026	13h30	C107	Nguyễn Huỳnh Phước Thiện	
629	TCNH2611	010100073406	42	1-42	Quản trị học đại cương	3	01/12/2026	13h30	C105	Lê Bửu Minh Quân, Mai Hoàng Thảo Nguyên	
630	TCNH2611	010100073406	41	43-83	Quản trị học đại cương	3	01/12/2026	13h30	C106	Lê Bửu Minh Quân, Mai Hoàng Thảo Nguyên	
631	HTTT2411	010100089702	31	1-31	Nhập môn công nghệ phần mềm	3	01/12/2026	15h30	C105	Nguyễn Xuân Hà Giang	
632	HTTT2411	010100089702	31	32-62	Nhập môn công nghệ phần mềm	3	01/12/2026	15h30	C106	Nguyễn Xuân Hà Giang	
633	KHDL2411	010100089703	31	1-31	Nhập môn công nghệ phần mềm	3	01/12/2026	15h30	C102	Nguyễn Thị Hồng Yến	
634	KHDL2411	010100089703	30	32-61	Nhập môn công nghệ phần mềm	3	01/12/2026	15h30	C103	Nguyễn Thị Hồng Yến	
635	CNCD2511	010100077301	34	1-34	Xác suất và thống kê	4	02/12/2026	7h30	C208	Lê Nguyễn Diễm Chi	
636	CNCD2511	010100077301	34	35-68	Xác suất và thống kê	4	02/12/2026	7h30	C209	Lê Nguyễn Diễm Chi	
637	CNDD2411	010100077302	28	1-28	Xác suất và thống kê	4	02/12/2026	7h30	C102	Trần Văn Trọng	
638	CNDD2411	010100077302	28	29-56	Xác suất và thống kê	4	02/12/2026	7h30	C103	Trần Văn Trọng	
639	CNDD2412	010100077303	35		Xác suất và thống kê	4	02/12/2026	7h30	C207	Trần Văn Trọng	
640	KTNL2411	010100077304	40		Xác suất và thống kê	4	02/12/2026	7h30	C107	Bùi Tiến Đạt	
641	QLCN2511	010100077305	33	1-33	Xác suất và thống kê	4	02/12/2026	7h30	C405	Bùi Tiến Đạt	
642	QLCN2511	010100077305	33	34-66	Xác suất và thống kê	4	02/12/2026	7h30	C406	Bùi Tiến Đạt	
643	CNTT2611	010100077306	35	1-35	Xác suất và thống kê	4	02/12/2026	7h30	C205	Lê Nguyễn Diễm Chi	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
644	CNTT2611	010100077306	35	36-70	Xác suất và thống kê	4	02/12/2026	7h30	C206	Lê Nguyễn Diễm Chi	
645	CNTT2611	010100077306	35	71-105	Xác suất và thống kê	4	02/12/2026	7h30	C306	Lê Nguyễn Diễm Chi	
646	KHDL2611	010100077307	39	1-39	Xác suất và thống kê	4	02/12/2026	7h30	C105	Nguyễn Phan Tú	
647	KHDL2611	010100077307	38	40-77	Xác suất và thống kê	4	02/12/2026	7h30	C106	Nguyễn Phan Tú	
648	KTHC2511	010100077308	30	1-30	Xác suất và thống kê	4	02/12/2026	7h30	C201	Lê Anh Xuân	
649	KTHC2511	010100077308	30	31-60	Xác suất và thống kê	4	02/12/2026	7h30	C202	Lê Anh Xuân	
650	CNDT2511	010100077309	44	1-44	Xác suất và thống kê	4	02/12/2026	7h30	C109	Bùi Tiến Đạt	
651	CNDT2511	010100077309	43	45-87	Xác suất và thống kê	4	02/12/2026	7h30	C108	Bùi Tiến Đạt	
652	CNTP2411	010100084701	23	1-23	Anh văn chuyên ngành Công nghệ thực phẩm	4	02/12/2026	9h30	Phòng máy 1	Trần Diễm Phượng, Trần Thị Minh Thư	PM
653	CNTP2411	010100084701	23	24-46	Anh văn chuyên ngành Công nghệ thực phẩm	4	02/12/2026	9h30	Phòng máy 4	Trần Diễm Phượng, Trần Thị Minh Thư	PM
654	CNTP2411	010100084702	24	1-24	Anh văn chuyên ngành Công nghệ thực phẩm	4	02/12/2026	9h30	Phòng máy 5	Trần Diễm Phượng, Trần Thị Minh Thư	PM
655	CNTP2411	010100084702	24	25-48	Anh văn chuyên ngành Công nghệ thực phẩm	4	02/12/2026	9h30	Phòng máy 6	Trần Diễm Phượng, Trần Thị Minh Thư	PM
656	CNXD2611	010100239301	38	1-38	Nhập môn ngành Xây dựng	4	02/12/2026	9h30	C205	Đường Hoàng Trung Hiếu, Nguyễn Thị Yến Nhi	
657	CNXD2611	010100239301	37	39-77	Nhập môn ngành Xây dựng	4	02/12/2026	9h30	C206	Đường Hoàng Trung Hiếu, Nguyễn Thị Yến Nhi	
658	QLXD2611	010100239302	40	1-40	Nhập môn ngành Xây dựng	4	02/12/2026	9h30	C105	Trần Thị Phương	
659	QLXD2611	010100239302	40	41-80	Nhập môn ngành Xây dựng	4	02/12/2026	9h30	C106	Trần Thị Phương	
660	NGNA2611	010100247001	33	1-33	Ngữ pháp 1	4	02/12/2026	9h30	Phòng máy 2	Phạm Thị Bích Ngân	PM

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
661	NGNA2611	010100247001	33	34-66	Ngữ pháp 1	4	02/12/2026	9h30	Phòng máy 7	Phạm Thị Bích Ngân	PM
662	NGNA2611	010100247001	25	67-91	Ngữ pháp 1	4	02/12/2026	9h30	Phòng máy 3	Phạm Thị Bích Ngân	PM
663	KTHC2411	010100073001	26	1-26	Kinh tế Kỹ thuật	4	02/12/2026	13h30	Phòng máy 3	Ngô Hồng Ngọc	PM
664	KTHC2411	010100073001	26	27-52	Kinh tế Kỹ thuật	4	02/12/2026	13h30	Phòng máy 4	Ngô Hồng Ngọc	PM
665	LQCC2411	010100073002	34	1-34	Kinh tế Kỹ thuật	4	02/12/2026	13h30	Phòng máy 2	Ngô Hồng Ngọc	PM
666	LQCC2411	010100073002	34	35-68	Kinh tế Kỹ thuật	4	02/12/2026	13h30	Phòng máy 7	Ngô Hồng Ngọc	PM
667	LQCC2411	010100073002	29	69-97	Kinh tế Kỹ thuật	4	02/12/2026	13h30	Phòng máy 1	Ngô Hồng Ngọc	PM
668	KTPM2211	010100092001	26	1-26	Xây dựng và triển khai ứng dụng thương mại điện tử	4	02/12/2026	15h30	Phòng máy 3	Đặng Trung Tín	PM
669	KTPM2211	010100092001	26	27-52	Xây dựng và triển khai ứng dụng thương mại điện tử	4	02/12/2026	15h30	Phòng máy 4	Đặng Trung Tín	PM
670	KTPM2211	010100092001	26	53-78	Xây dựng và triển khai ứng dụng thương mại điện tử	4	02/12/2026	15h30	Phòng máy 5	Đặng Trung Tín	PM
671	CNCD2511	010100071401	29	1-29	Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	7h30	C201	Huỳnh Hồng Huyền	
672	CNCD2511	010100071401	28	30-57	Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	7h30	C202	Huỳnh Hồng Huyền	
673	CNDD2511	010100071402	24	1-24	Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	7h30	C401	Diệp Bình Nguyên	
674	CNDD2511	010100071402	24	25-48	Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	7h30	C402	Diệp Bình Nguyên	
675	CNTT2511	010100071407	43		Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	7h30	C106	Hồ Thị Lan Anh	
676	KHDL2511	010100071410	28	1-28	Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	7h30	C301	Hồ Huỳnh Anh Chiêu	
677	KHDL2511	010100071410	28	29-56	Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	7h30	C302	Hồ Huỳnh Anh Chiêu	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
678	TCNH2511	010100071419	35		Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	7h30	C105	Huỳnh Hồng Huyền	
679	CNXD2511	010100071420	29	1-29	Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	7h30	C102	Đặng Thị Bảo Dung, Lê Văn Lành	
680	CNXD2511	010100071420	29	30-58	Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	7h30	C103	Đặng Thị Bảo Dung, Lê Văn Lành	
681	LQCC2511	010100071424	23	1-23	Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	7h30	C501	Huỳnh Tố Uyên	
682	LQCC2511	010100071424	23	24-46	Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	7h30	C502	Huỳnh Tố Uyên	
683	QTKD2511	010100071425	44		Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	7h30	C206	Huỳnh Tố Uyên	
684	KETO2511	010100071428	40		Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	7h30	C205	Huỳnh Hồng Huyền	
685	LUAT2511	010100071433	30		Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	7h30	C203	Diệp Bình Nguyên	
686	CNSH2511	010100071405	25	1-25	Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	9h30	C401	Phạm Thị Bích Ngân	
687	CNSH2511	010100071405	24	26-49	Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	9h30	C402	Phạm Thị Bích Ngân	
688	CNTP2511	010100071406	38		Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	9h30	C106	Lưu Thu Thủy	
689	HTTT2511	010100071408	33	1-33	Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	9h30	C201	Lê Kinh Quốc	
690	HTTT2511	010100071408	32	34-65	Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	9h30	C202	Lê Kinh Quốc	
691	KHMT2511	010100071411	35		Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	9h30	C205	Lê Huỳnh Thảo Trúc	
692	KTHC2511	010100071412	26	1-26	Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	9h30	C102	Lê Minh Thư	
693	KTHC2511	010100071412	26	27-52	Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	9h30	C103	Lê Minh Thư	
694	KTNL2511	010100071413	41		Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	9h30	C406	Lê Minh Thư	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
695	KTPM2511	010100071414	34		Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	9h30	C305	Lê Huỳnh Thảo Trúc	
696	LUAT2511	010100071416	32	1-32	Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	9h30	C301	Lê Kinh Quốc	
697	LUAT2511	010100071416	32	33-64	Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	9h30	C302	Lê Kinh Quốc	
698	CNDT2511	010100071426	37		Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	9h30	C505	Phạm Thị Bích Ngân	
699	CNTP2511	010100071427	42		Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	9h30	C206	Võ Thị Kim Thoa	
700	KHMT2511	010100071429	33		Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	9h30	C306	Võ Thị Kim Thoa	
701	TCNH2511	010100071431	33		Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	9h30	C105	Lê Kinh Quốc	
702	CNDT2511	010100071403	40		Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	13h30	C105	Trần Thiện Quỳnh Trân	
703	CNHH2511	010100071404	43		Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	13h30	C106	Thái Thị Bích Phượng	
704	KETO2511	010100071409	37		Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	13h30	C305	Thái Thị Bích Phượng	
705	LQCC2511	010100071415	44		Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	13h30	C206	Vũ Thúy Đan	
706	QLCN2511	010100071417	29	1-29	Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	13h30	C102	Thái Phan Bảo Hân	
707	QLCN2511	010100071417	28	30-57	Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	13h30	C103	Thái Phan Bảo Hân	
708	QTKD2511	010100071418	42		Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	13h30	C205	Thái Phan Bảo Hân	
709	QLXD2511	010100071421	33	1-33	Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	13h30	C405	Thái Phan Bảo Hân	
710	QLXD2511	010100071421	32	34-65	Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	13h30	C406	Thái Phan Bảo Hân	
711	CNDD2511	010100071422	24	1-24	Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	13h30	C201	Thái Thị Bích Phượng	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
712	CNDD2511	010100071422	23	25-47	Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	13h30	C202	Thái Thị Bích Phượng	
713	CNTT2511	010100071423	24	1-24	Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	13h30	C301	Vũ Thúy Đan	
714	CNTT2511	010100071423	23	25-47	Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	13h30	C302	Vũ Thúy Đan	
715	KTPM2511	010100071430	37		Anh văn căn bản 3	6	04/12/2026	13h30	C306	Vũ Thúy Đan	
716	KTPM2211	010100139401	39	1-39	Phát triển ứng dụng với mã nguồn mở	6	04/12/2026	15h30	C205	Nguyễn Thị Hồng Yến	
717	KTPM2211	010100139401	39	40-78	Phát triển ứng dụng với mã nguồn mở	6	04/12/2026	15h30	C206	Nguyễn Thị Hồng Yến	
718	CNTP2311	010100284801	38		Thực phẩm hữu cơ	6	04/12/2026	15h30	C305	Trần Diễm Phượng	
719	CNTP2311	010100284802	39		Thực phẩm hữu cơ	6	04/12/2026	15h30	C306	Trương Huỳnh Thanh Hoa	
720	KTPM2511	010100229501	28	1-28	Cấu trúc dữ liệu	7	05/12/2026	7h30	Phòng máy 5	Hà Lê Ngọc Dung	PM
721	KTPM2511	010100229501	27	29-55	Cấu trúc dữ liệu	7	05/12/2026	7h30	Phòng máy 6	Hà Lê Ngọc Dung	PM
722	KTPM2511	010100229501	27	56-82	Cấu trúc dữ liệu	7	05/12/2026	7h30	Phòng máy 9	Hà Lê Ngọc Dung	PM
723	KHMT2511	010100229502	35	1-35	Cấu trúc dữ liệu	7	05/12/2026	7h30	Phòng máy 2	Lưu Nguyễn Anh Thư	PM
724	KHMT2511	010100229502	29	36-64	Cấu trúc dữ liệu	7	05/12/2026	7h30	Phòng máy 3	Lưu Nguyễn Anh Thư	PM
725	KHMT2511	010100229502	29	65-93	Cấu trúc dữ liệu	7	05/12/2026	7h30	Phòng máy 4	Lưu Nguyễn Anh Thư	PM
726	TCNH2611	010100287002	25	1-25	Nhật ngữ căn bản 1	7	05/12/2026	7h30	C102	Võ Minh Đức	
727	TCNH2611	010100287002	25	26-50	Nhật ngữ căn bản 1	7	05/12/2026	7h30	C103	Võ Minh Đức	
728	TCNH2611	010100287003	25	1-25	Nhật ngữ căn bản 1	7	05/12/2026	7h30	C201	Võ Minh Đức	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
729	TCNH2611	010100287003	25	26-50	Nhật ngữ căn bản 1	7	05/12/2026	7h30	C202	Võ Minh Đức	
730	CNTP2411	010100085501	22	1-22	Vi sinh thực phẩm	2	07/12/2026	13h30	Phòng máy 1	Huỳnh Thị Ngọc Mi, Trần Diễm Phượng	PM
731	CNTP2411	010100085501	22	23-44	Vi sinh thực phẩm	2	07/12/2026	13h30	Phòng máy 4	Huỳnh Thị Ngọc Mi, Trần Diễm Phượng	PM
732	CNTP2411	010100085502	25	1-25	Vi sinh thực phẩm	2	07/12/2026	13h30	Phòng máy 2	Trần Diễm Phượng, Trần Thị Cẩm Tiên	PM
733	CNTP2411	010100085502	24	26-49	Vi sinh thực phẩm	2	07/12/2026	13h30	Phòng máy 3	Trần Diễm Phượng, Trần Thị Cẩm Tiên	PM
734	LUAT2511	010100290116	32	1-32	Nhật ngữ căn bản 3	2	07/12/2026	13h30	C102	Võ Minh Đức	
735	LUAT2511	010100290116	32	33-64	Nhật ngữ căn bản 3	2	07/12/2026	13h30	C103	Võ Minh Đức	
736	LUAT2511	010100290122	36	1-36	Nhật ngữ căn bản 3	2	07/12/2026	13h30	C305	Võ Minh Đức	
737	LUAT2511	010100290122	36	37-72	Nhật ngữ căn bản 3	2	07/12/2026	13h30	C306	Võ Minh Đức	
738	NGNA2411	010100290123	40	1-40	Nhật ngữ căn bản 3	2	07/12/2026	13h30	C105	Phạm Hồng Phát	
739	NGNA2411	010100290123	40	41-80	Nhật ngữ căn bản 3	2	07/12/2026	13h30	C106	Phạm Hồng Phát	
740	KHMT2311	010100089701	32	1-32	Nhập môn công nghệ phần mềm	2	07/12/2026	15h30	C102	Đinh Thành Nhân	
741	KHMT2311	010100089701	32	33-64	Nhập môn công nghệ phần mềm	2	07/12/2026	15h30	C103	Đinh Thành Nhân	
742	KTPM2611	010100089704	41	1-41	Nhập môn công nghệ phần mềm	2	07/12/2026	15h30	C205	Đinh Thành Nhân	
743	KTPM2611	010100089704	41	42-82	Nhập môn công nghệ phần mềm	2	07/12/2026	15h30	C206	Đinh Thành Nhân	
744	KHDL2411	010100092801	32	1-32	Khai phá dữ liệu	2	07/12/2026	15h30	C201	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	
745	KHDL2411	010100092801	31	33-63	Khai phá dữ liệu	2	07/12/2026	15h30	C202	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
746	LUAT2311	010100261001	36	1-36	Luật thương mại quốc tế	3	08/12/2026	7h30	C205	Huỳnh Lê Phước Thọ	
747	LUAT2311	010100261001	36	37-72	Luật thương mại quốc tế	3	08/12/2026	7h30	C206	Huỳnh Lê Phước Thọ	
748	LUAT2411	010100261002	34	1-34	Luật thương mại quốc tế	3	08/12/2026	7h30	C105	Huỳnh Lê Phước Thọ	
749	LUAT2411	010100261002	33	35-67	Luật thương mại quốc tế	3	08/12/2026	7h30	C106	Huỳnh Lê Phước Thọ	
750	LQCC2511	010100300004	25	1-25	Tin học ứng dụng	3	08/12/2026	7h30	Phòng máy 3	Trần Thị Diệp Anh Thư	PM
751	LQCC2511	010100300004	25	26-50	Tin học ứng dụng	3	08/12/2026	7h30	Phòng máy 4	Trần Thị Diệp Anh Thư	PM
752	LQCC2511	010100300004	24	51-74	Tin học ứng dụng	3	08/12/2026	7h30	Phòng máy 5	Trần Thị Diệp Anh Thư	PM
753	LQCC2511	010100300004	24	75-98	Tin học ứng dụng	3	08/12/2026	7h30	Phòng máy 6	Trần Thị Diệp Anh Thư	PM
754	QTKD2511	010100300011	35	1-35	Tin học ứng dụng	3	08/12/2026	7h30	Phòng máy 2	Nguyễn Thị Thu Huyền, Phạm Quốc Thịnh	PM
755	QTKD2511	010100300011	34	36-69	Tin học ứng dụng	3	08/12/2026	7h30	Phòng máy 7	Nguyễn Thị Thu Huyền, Phạm Quốc Thịnh	PM
756	QTKD2511	010100300011	28	70-97	Tin học ứng dụng	3	08/12/2026	7h30	Phòng máy 1	Nguyễn Thị Thu Huyền, Phạm Quốc Thịnh	PM
757	QLCN2511	010100300005	36	1-36	Tin học ứng dụng	3	08/12/2026	9h30	Phòng máy 2	Dương Quang Tùng, Lê Ngọc Danh	PM
758	QLCN2511	010100300005	29	37-65	Tin học ứng dụng	3	08/12/2026	9h30	Phòng máy 1	Dương Quang Tùng, Lê Ngọc Danh	PM
759	TCNH2511	010100300006	24	1-24	Tin học ứng dụng	3	08/12/2026	9h30	Phòng máy 3	Lưu Phạm Anh Thi	PM
760	TCNH2511	010100300006	24	25-48	Tin học ứng dụng	3	08/12/2026	9h30	Phòng máy 4	Lưu Phạm Anh Thi	PM
761	TCNH2511	010100300006	24	49-72	Tin học ứng dụng	3	08/12/2026	9h30	Phòng máy 5	Lưu Phạm Anh Thi	PM
762	KTHC2511	010100300010	32	1-32	Tin học ứng dụng	3	08/12/2026	9h30	Phòng máy 7	Lưu Phạm Anh Thi	PM

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
763	KTHC2511	010100300010	28	33-60	Tin học ứng dụng	3	08/12/2026	9h30	Phòng máy 6	Lưu Phạm Anh Thi	PM
764	CNHH2511	010100300001	25	1-25	Tin học ứng dụng	3	08/12/2026	13h30	Phòng máy 5	Nguyễn Phan Tú	PM
765	CNHH2511	010100300001	24	26-49	Tin học ứng dụng	3	08/12/2026	13h30	Phòng máy 6	Nguyễn Phan Tú	PM
766	QLXD2511	010100300007	34	1-34	Tin học ứng dụng	3	08/12/2026	13h30	Phòng máy 2	Nguyễn Phan Tú	PM
767	QLXD2511	010100300007	33	35-67	Tin học ứng dụng	3	08/12/2026	13h30	Phòng máy 7	Nguyễn Phan Tú	PM
768	KETO2511	010100300009	28	1-28	Tin học ứng dụng	3	08/12/2026	13h30	Phòng máy 1	Trần Thảo Vy	PM
769	KETO2511	010100300009	27	29-55	Tin học ứng dụng	3	08/12/2026	13h30	Phòng máy 3	Trần Thảo Vy	PM
770	KETO2511	010100300009	27	56-82	Tin học ứng dụng	3	08/12/2026	13h30	Phòng máy 4	Trần Thảo Vy	PM
771	CNCD2511	010100300002	34	1-34	Tin học ứng dụng	3	08/12/2026	15h30	Phòng máy 2	Lưu Nguyễn Anh Thư	PM
772	CNCD2511	010100300002	34	35-68	Tin học ứng dụng	3	08/12/2026	15h30	Phòng máy 7	Lưu Nguyễn Anh Thư	PM
773	LUAT2511	010100300003	25	1-25	Tin học ứng dụng	3	08/12/2026	15h30	Phòng máy 1	Trần Lê Duy Anh	PM
774	LUAT2511	010100300003	25	26-50	Tin học ứng dụng	3	08/12/2026	15h30	Phòng máy 3	Trần Lê Duy Anh	PM
775	LUAT2511	010100300003	25	51-75	Tin học ứng dụng	3	08/12/2026	15h30	Phòng máy 4	Trần Lê Duy Anh	PM
776	NGNA2511	010100300008	25	1-25	Tin học ứng dụng	3	08/12/2026	15h30	Phòng máy 5	Lê Hoàng Minh	PM
777	NGNA2511	010100300008	25	26-50	Tin học ứng dụng	3	08/12/2026	15h30	Phòng máy 6	Lê Hoàng Minh	PM
778	NGNA2511	010100300008	25	51-75	Tin học ứng dụng	3	08/12/2026	15h30	Phòng máy 9	Lê Hoàng Minh	PM
779	CNSH2611	010100053603	27	1-27	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	7h30	C102	Diệp Bình Nguyên	

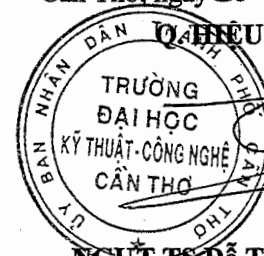
STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
780	CNSH2611	010100053603	26	28-53	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	7h30	C103	Diệp Bình Nguyên	
781	HTTT2611	010100053605	34	1-34	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	7h30	C405	Châu Miêu Thanh, Nguyễn Thị Yên Chi	
782	HTTT2611	010100053605	34	35-68	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	7h30	C406	Châu Miêu Thanh, Nguyễn Thị Yên Chi	
783	KTPM2611	010100053608	35		Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	7h30	C205	Đặng Thị Bảo Dung, Lê Văn Lành	
784	CNDD2611	010100053610	29	1-29	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	7h30	C201	Diệp Bình Nguyên	
785	CNDD2611	010100053610	28	30-57	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	7h30	C202	Diệp Bình Nguyên	
786	KTNL2611	010100053611	26	1-26	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	7h30	C301	Châu Miêu Thanh, Nguyễn Thị Yên Chi	
787	KTNL2611	010100053611	26	27-52	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	7h30	C302	Châu Miêu Thanh, Nguyễn Thị Yên Chi	
788	CNXD2611	010100053619	36	1-36	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	7h30	C305	Hồ Thị Lan Anh	
789	CNXD2611	010100053619	36	37-72	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	7h30	C306	Hồ Thị Lan Anh	
790	LQCC2611	010100053623	25	1-25	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	7h30	C401		
791	LQCC2611	010100053623	25	26-50	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	7h30	C402		
792	CNTT2611	010100053625	25	1-25	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	7h30	C501		
793	CNTT2611	010100053625	24	26-49	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	7h30	C502		
794	CNDT2611	010100053627	44		Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	7h30	C206	Vũ Thúy Đan	
795	KETO2611	010100053628	41		Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	7h30	C105	Châu Miêu Thanh, Nguyễn Thị Yên Chi	
796	TCNH2611	010100053633	39		Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	7h30	C106	Diệp Bình Nguyên	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
797	CNCD2611	010100053601	35	1-35	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	9h30	C505	Lê Ngọc Bửu	
798	CNCD2611	010100053601	34	36-69	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	9h30	C506	Lê Ngọc Bửu	
799	CNTT2611	010100053606	24	1-24	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	9h30	C301	Lê Minh Thư	
800	CNTT2611	010100053606	24	25-48	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	9h30	C302	Lê Minh Thư	
801	KHMT2611	010100053609	37		Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	9h30	C105	Lê Văn Lành	
802	LUAT2611	010100053612	36		Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	9h30	C206	Lê Huỳnh Thảo Trúc	
803	TCNH2611	010100053618	39		Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	9h30	C106	Lê Kinh Quốc	
804	QLXD2611	010100053620	37	1-37	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	9h30	C109	Huỳnh Tố Uyên	
805	QLXD2611	010100053620	37	38-74	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	9h30	C108	Huỳnh Tố Uyên	
806	CNDD2611	010100053622	30	1-30	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	9h30	C209	Trần Thiện Quỳnh Trân	
807	CNDD2611	010100053622	29	31-59	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	9h30	C208	Trần Thiện Quỳnh Trân	
808	QTKD2611	010100053624	28	1-28	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	9h30	C102	Kim Thanh Tuyên	
809	QTKD2611	010100053624	28	29-56	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	9h30	C103	Kim Thanh Tuyên	
810	CNTP2611	010100053626	25	1-25	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	9h30	C201	Lưu Thu Thủy	
811	CNTP2611	010100053626	24	26-49	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	9h30	C202	Lưu Thu Thủy	
812	KHMT2611	010100053630	38		Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	9h30	C205	Lê Ngọc Bửu	
813	LUAT2611	010100053631	36		Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	9h30	C305	Hồ Huỳnh Anh Chiêu	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
814	TCNH2611	010100053632	40		Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	9h30	C406	Huỳnh Tố Uyên	
815	CNDT2611	010100053602	44		Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	13h30	C206	Phạm Thị Bích Ngân	
816	CNHH2611	010100053604	28	1-28	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	13h30	C102	Ngô Uyên Phương	
817	CNHH2611	010100053604	27	29-55	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	13h30	C103	Ngô Uyên Phương	
818	KHDL2611	010100053607	35	1-35	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	13h30	C505	Tạ Thành Nam	
819	KHDL2611	010100053607	35	36-70	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	13h30	C506	Tạ Thành Nam	
820	KETO2611	010100053613	40		Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	13h30	C205	Ngô Uyên Phương	
821	KTHC2611	010100053614	31	1-31	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	13h30	C201	Ngô Uyên Phương	
822	KTHC2611	010100053614	30	32-61	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	13h30	C202	Ngô Uyên Phương	
823	LQCC2611	010100053615	26	1-26	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	13h30	C401	Tạ Thành Nam	
824	LQCC2611	010100053615	26	27-52	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	13h30	C402	Tạ Thành Nam	
825	QLCN2611	010100053616	37	1-37	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	13h30	C305	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	
826	QLCN2611	010100053616	37	38-74	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	13h30	C306	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	
827	QTKD2611	010100053617	29	1-29	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	13h30	C301	Thái Thị Bích Phượng	
828	QTKD2611	010100053617	28	30-57	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	13h30	C302	Thái Thị Bích Phượng	
829	CNTP2611	010100053621	25	1-25	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	13h30	C501	Tạ Thành Nam	
830	CNTP2611	010100053621	25	26-50	Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	13h30	C502	Tạ Thành Nam	

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng Thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi Chú
831	KTPM2611	010100053629	37		Anh văn căn bản 1	4	09/12/2026	13h30	C106	Phạm Thị Bích Ngân	
832	NGNA2621	010300263301	16		Độc 2	7	12/12/2026	13h30	C101	Vũ Thúy Đan	
833	NGNA2621	010300263601	16		Nghe - Nói 2	7	12/12/2026	15h30	C101	Đặng Thị Bảo Dung	
834	NGNA2621	010300264001	16		Viết 2	8	13/12/2026	7h30	C101	Huỳnh Hồng Huyền	
835	NGNA2621	010300264401	16		Ngữ âm thực hành 2	8	13/12/2026	9h30	C101	Diệp Bình Nguyên	
836	NGNA2621	010300264601	16		Ngữ pháp 2	8	13/12/2026	13h30	C101	Thái Thị Bích Phượng	
837	NGNA2621	010300290001	16		Nhật ngữ căn bản 2	8	13/12/2026	15h30	C101	Võ Minh Đức	

Cần Thơ, ngày 20 tháng 10 năm 2026



NGUYỄN TS. Đỗ Thị Tuyết Nhung